

Lúc này tôi là Trung đội trưởng Trung đội 3 Đại đội 11 Tiểu đoàn 9. Đêm 29 rạng sáng ngày 30 tháng 5, đơn vị chúng tôi tổ chức vượt sông Đăk Krông. Ngày 1 tháng 6, đơn vị bắt đầu tiếp cận đến được chân điểm cao động Cô Tiên. Trong quá trình vượt sông, bộ phận di cuối cùng của Tiểu đoàn 9 bị máy bay trực thăng địch phát hiện và đánh vào đội hình làm bị thương và hy sinh một số đồng chí. Ngay sau đó, địch dùng pháo binh và máy bay bắn phá vào các dải địa hình xung quanh động Cô Tiên.

Trong khi cơ động tiếp cận địch, đồng chí Trương Đình Thăng - Đại đội trưởng Đại đội 11, quê ở Cẩm Thủy - Thanh Hóa bị thương nặng không tham gia chiến đấu được. Đồng chí Lê Hải Triều - Đại đội phó, quê ở Hưng Yên được cấp trên chỉ định lên thay đồng chí Trương Đình Thăng làm Đại đội trưởng. Tôi được cấp trên chỉ định làm Đại đội phó thay đồng chí Triều. Đêm mùng 1 rạng sáng ngày 2 tháng 6, đơn vị tôi thực hành tiếm nhập tiếp cận địch. Đội hình Tiểu đoàn 9 hình thành 3 hướng. Hướng chủ yếu là Đại đội 9, Đại đội 10 (thiếu). Đại đội 11 của chúng tôi đảm nhiệm hướng thứ yếu. Một trung đội của Đại đội 10 đảm nhiệm hướng chốt chặn. Đại đội 12 là đại đội trợ chiến đảm nhiệm nhiệm vụ sử dụng súng cối 82 ly chi viện cho chúng tôi trong quá trình chiến đấu.

Khoảng 4 giờ sáng, chúng tôi vượt qua được 2 hàng rào cũ của địch. Khi chúng tôi bắt đầu chạm hàng rào thứ 3, là hàng rào chúng mới bố trí cách đây mấy ngày, thì đúng lúc đó trên hướng chủ yếu, khi tiếm nhập bộ đội vấp phải mìn địch nên bị lộ. Trước tình huống trên, tiểu đoàn ra lệnh cho các đơn vị đồng loạt nổ súng. Địch

bắn ra xôi xả và chống trả quyết liệt, do vậy tốc độ tiến công của ta rất chậm, đến gần sáng mà hướng chủ yếu của Đại đội 9 và Đại đội 10 vẫn gặp khó khăn, không phát triển chiến đấu được. Lệnh của Tiểu đoàn trưởng cho hướng thứ yếu của Đại đội 11 chúng tôi nhanh chóng dùng bộc phá ống để phá rào mở cửa phát triển vào bên trong cứ điểm địch để chi viện cho hướng chủ yếu. Tôi lệnh cho đội của mở mang bộc phá ống lên phá nốt hai hàng rào còn lại của địch. Khi hai lớp hàng rào còn lại được mở tung, lực lượng Đại đội 11 đã nhanh chóng xung phong đánh thẳng vào trung tâm mỏm B của động Cô Tiên. Mỏm này là mỏm cao nhất của dãy động Cô Tiên. Chúng tôi nhanh chóng đánh chiếm từng lô cốt, ụ súng, tiêu diệt từng hỏa điểm của địch. Đúng lúc này, Đại đội trưởng Triên bị thương, tôi thay đồng chí Triên tiếp tục chỉ huy đơn vị phát triển chiến đấu đánh vào trung tâm cứ điểm địch, tạo điều kiện cho hướng chủ yếu phát triển. Khi đánh chiếm được chiếc lô cốt cao nhất trên đỉnh đồi, dưới ánh sáng của pháo sáng địch, tôi quan sát thấy bộ đội ta ở các hướng đang tiếp tục tiến công vào trung tâm. Riêng hướng vu hồi của một trung đội thuộc Đại đội 10 thì chưa nghe thấy tiếng súng của ta. Ngay sau đó, tôi đứng lên trên đỉnh lô cốt cao đó và hô to: "Tôi - Phạm Xuân Thệ đây, Phạm Xuân Thệ đây! Đại đội 11 đã vào đánh chiếm được điểm cao ở trung tâm rồi, tất cả các hướng xông lên!". Cứ thế tôi vừa trực tiếp chiến đấu, vừa chỉ huy, vừa hô to cho các hướng đồng loạt cùng tiến công. Đến khoảng 6 giờ sáng, tôi phát hiện thấy một tốp địch cách mình khoảng 100 mét đang chạy, tôi liền giương khẩu AK siết cò. Nhưng bỗng

nhiên tôi thấy mặt mũi tối sẫm lại. Sau thoáng bị choáng, tôi mới biết mình bị một quả đạn M79 của địch bắn trúng khẩu AK. May mà tôi đội mũ sắt nên chỉ bị những mảnh đạn nhỏ găm vào cánh tay cùng bàn tay và mặt nên bị thương nhẹ, còn khẩu AK bị gãy làm đôi. Lúc này bên cạnh tôi có mấy đồng chí bị thương đã được đồng đội băng bó đang nằm tại đó, tôi chạy lại lấy khẩu AK của đồng chí Nguyễn Văn Biên, quê ở Đô Lương - Nghệ An để tiếp tục chiến đấu.

Đến khoảng 8 giờ sáng, Tiểu đoàn 9 chúng tôi đã đánh chiếm và làm chủ hoàn toàn cứ điểm địch ở động Cô Tiên. Đơn vị chúng tôi tiếp tục truy lùng bọn tàn binh và thu gom chiến lợi phẩm. Khoảng 9 giờ sáng, lúc này mặt trời đã lên cao, sau khi địch biết cứ điểm ở động Cô Tiên đã bị mất, chúng bắt đầu dùng máy bay và pháo binh đánh phá vào các khu vực xung quanh động Cô Tiên. Trung đoàn ra lệnh cho Tiểu đoàn 9 chúng tôi nhanh chóng thu dọn chiến trường, đưa thương binh, tử sĩ về phía sau, đồng thời tổ chức cho tiểu đoàn rời khỏi trận địa và để lại một bộ phận lực lượng tổ chức chốt giữ những điểm cao của động Cô Tiên sẵn sàng đánh địch phản kích. Ngày 3 tháng 6, đơn vị chúng tôi tiến hành giải quyết thương binh, tử sĩ, sau đó lui về đứng chân cách động Cô Tiên 3 cây số, tiếp tục củng cố, bổ sung lực lượng, sẵn sàng đánh địch đổ bộ đường không ra các điểm cao khác.

Sau trận chiến đấu, chúng tôi được cấp trên phổ biến: Với quyết tâm chiến đấu dũng cảm và kiên quyết, Tiểu đoàn 9 đã đánh tiêu diệt và làm thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn và sở chỉ huy nhẹ của trung đoàn 54 sư đoàn 3

nguy. Đây là trận đánh có hiệu suất chiến đấu rất cao. Sau trận đánh này tôi được anh em trong đơn vị và báo chí ca ngợi, suy tôn là "*Cơn lốc động Cô Tiên*", vì trong trận này tôi vừa trực tiếp chiến đấu, dũng cảm dẫn đầu chỉ huy đơn vị xung phong, góp phần động viên, cổ vũ bộ đội trên các hướng cùng xung phong, kiên quyết chiến đấu tiêu diệt địch.

Sau trận đánh địch ở động Cô Tiên, với những thành tích đã đạt được, tôi được trên tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Hai và được bầu là Chiến sĩ thi đua cấp sư đoàn, được báo cáo thành tích điển hình trong Đại hội mừng công của Sư đoàn 304. Trong đợt tập huấn của Sư đoàn 304 cuối năm 1970, tôi được chọn báo cáo điển hình để trao đổi kinh nghiệm chiến đấu với các cán bộ từ cấp trung đội đến tiểu đoàn.

Những ngày cuối tháng 6 năm 1970, mùa mưa lại bắt đầu đến, nước sông suối bắt đầu dâng cao, việc vận chuyển lương thực, thực phẩm và đạn dược cho các đơn vị ở các trận địa gặp rất nhiều khó khăn. Mỗi người chỉ được tiêu chuẩn ăn 2 lạng gạo một ngày, còn chủ yếu ăn sắn. Chúng tôi phải chia nhau vào rừng tìm hái măng và rau rừng để cải thiện bữa ăn. Mùa mưa, điều kiện sinh hoạt ăn ở lầy lội cùng với sự thiếu thốn lương thực, thực phẩm đã làm suy kiệt sức khỏe của bộ đội. Nhiều đồng chí ở đơn vị chúng tôi bị sốt rét hành hạ, da vàng bủng, có lúc không cầm nổi bát cơm, bát cháo, nhiều khi tưởng chừng phải rời khỏi trận địa chiến đấu. Trong tình hình chung của toàn đơn vị, đầu tháng 7 năm 1970, tôi bị một trận sốt rét ác tính, nằm sốt li bì mấy ngày liền, không bò ra khỏi hầm được.

Sau đó, tôi được anh em đưa lên trạm xá của trung đoàn điều trị trong khoảng một tuần, nhưng những cơn sốt rét của tôi càng nặng hơn. Tôi hoàn toàn mê man bất tỉnh, mọi sinh hoạt không thể tự làm chủ được nữa. Tôi lịm dần đi, các đồng chí quân y ở trạm xá sau nhiều nỗ lực và tận tâm cứu chữa thấy không còn khả năng cứu được nữa vì tôi đã ngừng thở. Nghĩ là tôi đã chết, các đồng chí quân y đã đưa tôi ra nằm riêng ở một căn hầm để chờ mai táng. Khi các đồng đội đến để chuẩn bị mang tôi đi mai táng, thì đồng chí Nguyễn Văn Du, quê ở Nghi Lộc - Nghệ An là Trung đội trưởng cùng đại đội với tôi đã phát hiện tôi vẫn còn thở. Đồng chí vội vào báo cho bộ phận quân y biết. Ngay sau đó, tôi được bộ phận quân y trạm xá trung đoàn đưa về tiếp tục cứu chữa. Nhờ sự tận tình chăm sóc và cứu chữa của các y bác sĩ trạm xá trung đoàn, tôi dần hồi tỉnh. Sau đó, tôi được đưa về bệnh viện của sư đoàn ở Quảng Bình để chữa trị. Đến tháng 10 năm 1970, sức khoẻ đã dần bình phục, tôi ra viện trở về đơn vị để tiếp tục chiến đấu.

Thời gian này, Trung đoàn 66 đã di chuyển ra khu vực Nông trường Việt - Trung gần đường 20 Quyết Thắng thuộc huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình để củng cố, xây dựng lực lượng và huấn luyện. Tại đây, những ngày đầu tháng 11 năm 1970 chúng tôi được Ban chỉ huy Trung đoàn quán triệt: Địch có ý định đổ bộ đường biển và tiến công đường bộ kết hợp với đường không, vượt sông Bến Hải với lực lượng lớn nhằm đánh phá sâu vào hậu phương của ta. Đơn vị chúng tôi được giao nhiệm vụ di trình sát vùng ven biển nam sông Gianh thuộc huyện Bố Trạch để xây dựng công sự trận địa sẵn

sàng đánh địch đổ bộ đường không lớn ở nam sông Gianh và bắc sông Bến Hải. Sau khi tổ chức trinh sát thực địa, đơn vị chúng tôi đã nhanh chóng xây dựng và hoàn chỉnh quyết tâm chiến đấu và các kế hoạch chiến đấu theo các phương án dự kiến, đồng thời tổ chức bộ đội xây dựng trận địa và luyện tập theo các phương án. Đầu tháng 1 năm 1971, đơn vị chúng tôi được lệnh bàn giao trận địa khu vực nam sông Gianh cho đơn vị bạn và hành quân trở lại đội hình sư đoàn đang chiến đấu ở chiến trường bắc Quảng Trị.

Từ cuối tháng 1 đến đầu tháng 3 năm 1971, bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam và chính quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu đã triển khai lực lượng thực hiện âm mưu mở cuộc hành quân ra Đường 9 - Nam Lào với tên gọi "Lam Sơn 719" và cuộc hành quân "Toàn thắng 171" đánh vào vùng Đông Bắc Cam-pu-chia để thực hiện tham vọng lớn là ngăn chặn sự chi viện chiến lược của ta, phá hậu phương của ta trên đất bạn, gây khó khăn trở ngại lớn cho cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương. Mặt khác, các cuộc hành quân này cũng là những cuộc thử nghiệm chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ.

Ngày 8 tháng 2 năm 1971, cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của địch được bắt đầu. Lực lượng quân địch tham gia cuộc hành quân lúc cao nhất có 15 trung đoàn bộ binh (sư đoàn dù, sư đoàn thủy quân lục chiến, sư đoàn bộ binh số 1); hai trung đoàn thiết giáp 450 xe; 21 tiểu đoàn pháo 250 khẩu; 700 máy bay có 300 trực thăng; bốn tiểu đoàn quân ngụy Lào. Tổng cộng có khoảng trên 42.000 quân, trong đó có 9.000 quân Mỹ.

Đây là cuộc hành quân lớn nhất và điển hình nhất của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Với lực lượng lớn như vậy, kế hoạch của địch là nhanh chóng đánh chiếm Sê Pôn, chiếm giữ đoạn đường Bản Đông - Sê Pôn, đánh phá kho tàng, đường sá xung quanh Sê Pôn, phía bắc lên đến kho Vinh - Na Thôn, phía tây nam đến đông bắc Mường Phìn nối liền với cánh quân nguy Lào từ phía tây sang... sau đó chuyển hướng đánh xuống A Túc đến A Sầu, A Lưới thuộc Thừa Thiên. Chúng dự kiến kết thúc cuộc hành quân trước mùa mưa ở Nam Lào.

Trước tình hình trên, từ ngày 30 tháng 1 năm 1971, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh đã quyết định mở Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, chiến dịch phản công của Quân giải phóng để đánh bại cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của Mỹ - nguy. Lực lượng tham gia chiến dịch có 5 sư đoàn bộ binh 308, 304, 320, 324, 2; 2 trung đoàn bộ binh 27, 278; 8 trung đoàn pháo binh; 3 trung đoàn công binh; 3 tiểu đoàn xe tăng; 6 trung đoàn phòng không; 8 tiểu đoàn đặc công, các đơn vị binh chủng khác và lực lượng hậu cần, vận tải của Bộ Tư lệnh 559. Số quân chiến đấu và phục vụ chiến đấu lên tới trên 60.000 cán bộ, chiến sĩ.

Tháng 2 năm 1971, tôi được đề bạt cấp quân hàm thiếu úy và điều động sang làm Đại đội trưởng Đại đội 10 Tiểu đoàn 9. Cuối tháng 2 năm 1971, đơn vị chúng tôi vào vị trí tập kết chuẩn bị chiến đấu. Thời điểm này, Trung đoàn 24 và Trung đoàn 9 đang chiến đấu chặn địch ở khu vực cầu Cha Ky và một phần ở Bản Đông - tỉnh Xa Van Na Khẹt. Đơn vị chúng tôi được nhận nhiệm vụ cơ động vào cùng chiến đấu với Trung đoàn 24.

Những ngày đầu tháng 3 năm 1971, Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 66 làm nhiệm vụ chốt giữ các điểm cao, không cho địch đổ bộ ra phía sau hậu phương của ta. Đến ngày 15 tháng 3, Đại đội 10 được tăng cường 1 khẩu đội cối 82 ly, 1 khẩu đội ĐKZ 75 của tiểu đoàn, đảm nhiệm nhiệm vụ tiêu diệt lực lượng địch trên điểm cao có tên là đồi Mâm Xôi nằm ở ngã ba giữa đường số 16 và đường số 20 cách phía nam Bản Đông khoảng 1 cây số. Đại đội 10 do đồng chí Đại úy Nguyễn Văn Chinh - Tiểu đoàn phó trực tiếp chỉ huy. Đêm 15 rạng sáng ngày 16 tháng 3, Đại đội 10 chúng tôi hành quân vào vị trí tập kết chiến đấu. Đến đêm 16 rạng sáng ngày 17 tháng 3, tổ trinh sát của tiểu đoàn dẫn đường cho đại đội tôi thực hành hành quân chiếm lĩnh. Khoảng 2 giờ sáng ngày 17 tháng 3, chúng tôi chưa đến được điểm cao đồi Mâm Xôi, thì lực lượng đi đầu gặp địch. Chúng tôi nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu. Khi nổ súng, chúng tôi phát hiện đây là lực lượng xe tăng, xe thiết giáp của địch bố trí ở sườn đồi và dọc đường giáp Bản Đông. Bộ đội Đại đội 10 đã sử dụng súng B41, B40, ĐKZ 75 bắn cháy một số xe tăng, xe thiết giáp địch, khói lửa cao ngút trời. Xe tăng, xe thiết giáp địch nổ máy gầm rú âm âm, chúng dùng pháo và đại liên trên xe bắn trả rất quyết liệt. Khi tôi giơ tay chỉ cho đồng chí Nguyễn Văn Chúc, quê ở Vĩnh Phúc là xạ thủ B41 bắn chiếc xe tăng đang chồm lên trước mặt chúng tôi, đồng chí xoay người siết cò, một quầng lửa bùng lên, quả đạn lao thẳng vào chiếc xe tăng làm nó khựng lại và bùng cháy. Đúng thời điểm đó, do tình huống quá nhanh, Tiểu đoàn phó Nguyễn Văn Chinh và tổ thông tin 2 oát ở phía sau nằm gọn trong vùng loa đẩy lửa về phía sau



của đạn B41. Đồng chí Chinh và 2 đồng chí chiến sĩ thông tin bị thương nặng. Một phần vai phải và tay phải của tôi cũng bị bỏng nặng, cánh tay áo và vai áo phải bị cháy khét lẹt. Ngay sau đó một chiếc xe tăng khác của địch lại chồm lên. Tôi định giơ tay trái chỉ mục tiêu cho đồng chí Chúc bắn tiếp, nhưng khi vừa giơ lên thì thấy cánh tay nặng trĩu không thể giơ lên được nữa. Dưới ánh pháo sáng, tôi biết mình bị thương cả tay phải và tay trái. Cánh tay trái bị đạn bắn thẳng xuyên qua bắp tay, tôi cố cắn răng chịu đau, tiếp tục chỉ huy đơn vị chiến đấu. Sau đó tôi bị ngất lịm đi khi tiếng súng đã ngớt dần.

Sau này tình tôi được đồng đội cho biết, trước tình hình Đại đội 10 gặp địch bất ngờ trên đường hành quân và phải chiến đấu trong thế bị động, gặp nhiều khó khăn, trận đánh diễn ra rất ác liệt nên Ban chỉ huy Tiểu đoàn đã điều Đại đội 9 do đồng chí Đại đội trưởng Nguyễn Thiếu Ý chỉ huy cơ động lên chi viện cho chúng tôi. Đại đội 9 đã đến kịp thời và cùng chúng tôi chiến đấu tiêu diệt xe tăng, thiết giáp địch ở ngã ba Bản Đông. Phần lớn xe tăng, thiết giáp của địch bị bắn cháy, bộ phận còn lại bỏ lại phương tiện, vũ khí tháo chạy về phía nam Bản Đông.

Ngay sau trận đánh, tôi được anh em Đại đội 9 cáng thương đưa về trạm phẫu thuật của trung đoàn, rồi chuyển về bệnh viện của sư đoàn. Vì tôi bị thương cả 2 tay rất nặng, nên được quân y sư đoàn chuyển ra tuyến sau để điều trị. Đến tháng 4 năm 1971, tôi được đưa ra đến Đội điều trị 44 của Quân khu 4 tại huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình. Sau khi về đến Đội điều trị 44 được khoảng một tuần, các y bác sĩ đang chuẩn bị phẫu thuật

lại để khâu vết thương trên cánh tay trái tôi vì vết thương quá lớn thì bất ngờ máy bay Mỹ ném bom tọa độ. Một quả bom rơi trúng hầm phẫu thuật làm toàn bộ dụng cụ phẫu thuật bị bay mất nên Đội điều trị không thể tiến hành phẫu thuật lại cho tôi. Trong thời gian điều trị vết thương, tôi luôn chú ý nghe tin tức trên Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, đặc biệt là chương trình "*Sổ tay chiến sự*" để biết về tình hình đơn vị. Nghe tin chiến thắng từ Mặt trận Đường 9 - Nam Lào, tôi cảm thấy rất tự hào và nhớ về đơn vị, nhớ các đồng đội thân yêu của mình và thấy tiếc vì mình bị thương quá nặng nên không thể cùng đồng đội tiếp tục chiến đấu đến ngày chiến dịch giành thắng lợi trọn vẹn.

Sau hơn một tháng thực hành chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào, đầu tháng 3 năm 1971, bộ đội ta chuyển sang tiến công trên toàn mặt trận, bao vây, truy kích tập đoàn lớn quân địch ở Bản Đông, tiêu diệt quân địch ở các điểm cao 273, 660, 550...

Ngày 23 tháng 3 năm 1971, Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào kết thúc thắng lợi. Ta đã đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân "Lam Sơn 719", loại khỏi vòng chiến đấu trên hai vạn tên địch; đánh thiệt hại nặng 6 trung đoàn, lữ đoàn, 13 tiểu đoàn bộ binh, pháo binh; phá huỷ 1.100 xe quân sự (có 528 xe tăng, xe thiết giáp), hơn 100 khẩu pháo lớn, bắn rơi 500 máy bay. Ta bắt hơn 1.000 tù binh, thu trên 3.000 khẩu súng các loại và nhiều trang bị quân sự. Trong chiến thắng chung của toàn chiến dịch có sự đóng góp không nhỏ của cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 304. Tôi rất tự hào vì mình đã góp một phần xương máu vào chiến thắng vẻ vang đó.

Mất mấy tháng ròng, được các đồng chí y, bác sĩ Đội điều trị 44 tận tình cứu chữa và chăm sóc, nên đến tháng 9 năm 1971 tôi được ra viện và về đơn vị tiếp tục chiến đấu và công tác.

Cuối năm 1971, Trung đoàn 66 tiếp tục xây dựng đơn vị và huấn luyện tại hậu cứ thuộc dãy núi U Bò mà những năm 1969 chúng tôi đã từng đóng quân huấn luyện ở đó. Lúc này tôi lại được trên điều chuyển về làm Đại đội trưởng Đại đội 11.

Tháng 12 năm 1971, theo kế hoạch của sư đoàn, các cán bộ quân sự cấp trưởng từ đại đội trở lên nhận nhiệm vụ đi chuẩn bị chiến trường ở bắc Quảng Trị. Trung đoàn 66 được giao nhiệm vụ trinh sát kỹ địch và địa hình ở động Toàn, động Ngô. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ trinh sát, cuối tháng 1 năm 1972 chúng tôi quay về hậu cứ ở Quảng Bình. Về đến đơn vị, căn cứ vào kết quả đi chuẩn bị chiến trường, chúng tôi tìm các điểm cao có địa hình gần giống các cứ điểm địch mà chúng tôi đã trinh sát để xây dựng thao trường, làm các ụ súng, lô cốt hàng rào, vật cản gần giống của địch để luyện tập.

Sau khi ăn Tết Nhâm Tý, trung tuần tháng 2 năm 1972, đơn vị chúng tôi nhận lệnh hành quân trở lại chiến trường bắc Quảng Trị. Tháng 3 năm 1972, chúng tôi hành quân vào vị trí tập kết và tiến hành làm công tác chuẩn bị tham gia Chiến dịch tiến công Trị - Thiên 1972.

Ngày 30 tháng 3 năm 1972, Chiến dịch Trị - Thiên - chiến dịch tiến công của quân giải phóng miền Nam Việt Nam vào hệ thống phòng ngự vững chắc của quân đội Sài Gòn ở hai tỉnh Quảng Trị - Thừa Thiên, hướng

chủ yếu của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 bắt đầu. Trên hướng của Sư đoàn 304, Trung đoàn 66 đảm nhiệm lực lượng đột kích chủ yếu của sư đoàn, được giao nhiệm vụ đánh chiếm động Toàn, động Ngô, sau đó phát triển xuống đánh chiếm căn cứ Mai Lộc và sở chỉ huy của lữ đoàn thủy quân lục chiến ngụy. Các đơn vị bạn như Trung đoàn 24 đánh chiếm cứ điểm 241, Trung đoàn 9 đánh cứ điểm Đầu Mầu nằm bên trục đường số 9, cách thị trấn Đông Hà trên 10 cây số.

Động Toàn nằm trên điểm cao 548, địch xây dựng ở đây thành một căn cứ phòng ngự vững chắc án ngữ một vùng phía tây đường số 9. Động Toàn có ba mỏm núi rất hiểm trở nhưng tạo thành thế liên hoàn, xung quanh căn cứ là những vách đá, sườn núi dốc đứng; các hoạt động vận chuyển, tiếp tế của địch đều phải dùng máy bay trực thăng. Do ở vị trí cao, nên động Toàn thường bị mây mù che khuất, rất khó quan sát. Địch bố trí tại căn cứ động Toàn tiểu đoàn 4 thuộc lữ đoàn lính thủy đánh bộ 147. Phần lớn lực lượng địch bố trí trên điểm cao nhất, còn lại chúng bố trí ở những mỏm thấp hơn để bảo vệ sở chỉ huy tiểu đoàn ở điểm cao động Toàn.

Trung đoàn 66 sử dụng Tiểu đoàn 7 đảm nhiệm tiến công trên hướng chủ yếu, Tiểu đoàn 8 (thiếu) tiến công trên hướng thứ yếu. Tiểu đoàn 9 đảm nhiệm nhiệm vụ xây dựng trận địa phục kích để ngăn chặn và tiêu diệt địch khi bị ta tiến công ở động Toàn rút chạy về Mai Lộc, đồng thời ngăn chặn địch từ Mai Lộc lên tiếp viện cho động Toàn.

Thời gian này, tôi làm Đại đội trưởng Đại đội 11, đồng chí Lương Ngọc Bát, quê ở Hải Hưng làm Chính trị viên,

đồng chí Nguyễn Văn Loan, quê ở Hà Nội làm Chính trị viên phó, đồng chí Hà Công Sàng, quê ở Bá Thước - Thanh Hóa làm Đại đội phó. Sau khi bàn bạc, thống nhất, Ban chỉ huy Đại đội hạ quyết tâm, phải kiên quyết tổ chức phục kích đón lõng bằng được khi địch rút chạy và ngăn chặn bằng được không cho địch ở căn cứ Mai Lộc lên chi viện cho địch ở động Toàn, tạo điều kiện cho đơn vị bạn nhanh chóng tiêu diệt địch ở căn cứ động Toàn.

Khi toàn Mặt trận Quảng Trị nổ súng, Tiểu đoàn 7, Tiểu đoàn 8 nhanh chóng thực hành tiến công căn cứ địch ở động Toàn. Cuộc chiến đấu ở động Toàn diễn ra vô cùng ác liệt. Suốt hai ngày đêm, ta và địch giành giật nhau từng lô cốt, từng đoạn chiến hào. Sau nhiều lần tổ chức tiến công, đến 6 giờ sáng ngày 1 tháng 4, Tiểu đoàn 7 và Tiểu đoàn 8 mới làm chủ được động Toàn. Số quân địch còn sống sót ở động Toàn vội vã lợi dụng trời mù sương rút chạy về phía điểm cao 303 và căn cứ Mai Lộc đúng như dự kiến của cấp trên. Nhưng chúng không chạy vào trận địa phục kích của chúng tôi mà cách trận địa phục kích khoảng 500 mét. Trước tình hình trên, tôi báo cáo ngay về Ban chỉ huy Tiểu đoàn. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Ngân, quê ở Thái Bình đã lệnh cho Đại đội 11 vận động tiến công để tiêu diệt địch. Nhận được lệnh, Đại đội 11 nhanh chóng di chuyển ra khỏi trận địa phục kích, thực hành vận động, áp dụng chiến thuật vận động tiến công để tiêu diệt địch. Quá trình vận động, đơn vị tôi được sự chi viện của pháo, cối của cấp trên bắn chặn vào đội hình rút chạy của địch. Bọn tàn quân địch chạy về gần đến căn cứ Mai Lộc, gặp điểm cao đồi Tròn và liền co cụm tại đó hòng chống đỡ

và đợi chi viện từ căn cứ Mai Lộc. Thấy địch co cụm tại đồi Tròn, tôi chỉ huy toàn đại đội hình thành thế bao vây địch. Sau khi tiếng súng cối của tiểu đoàn bắn chế áp ngăn vào đồi Tròn vừa dứt, Đại đội 11 đồng loạt nổ súng xung phong từ ba hướng. Sau gần một giờ liên tục chiến đấu, Đại đội 11 đã tiêu diệt hoàn toàn bộ phận tàn quân địch từ động Toàn chạy về.

Ngay sau khi địch ở đồi Tròn bị tiêu diệt thì cũng là lúc bắt đầu xuất hiện tình huống mới: lực lượng địch ở căn cứ Mai Lộc rút chạy về phía thị trấn Đông Hà. Thấy vậy, Tiểu đoàn trưởng Ngân ra lệnh cho Đại đội 11 chúng tôi tiếp tục truy kích lực lượng địch này. Suốt chiều hôm đó, chúng tôi liên tục truy kích, hình thành thế bao vây, chia cắt, lần lượt tiêu diệt từng bộ phận quân địch rút chạy và làm chủ hoàn toàn khu vực căn cứ Mai Lộc. Cùng lúc này tôi được Ban chỉ huy Tiểu đoàn thông báo: các đơn vị bạn đã tiêu diệt địch và làm chủ căn cứ 241, động Toàn và động Ngô. Tối hôm đó, đơn vị chúng tôi được lệnh củng cố, xây dựng trận địa công sự chốt giữ ở khu vực Mai Lộc, sẵn sàng đánh địch đổ bộ đường không và phản kích tái chiếm các căn cứ đã bị mất.

Đầu tháng 5 năm 1972, Tiểu đoàn 9 nhận nhiệm vụ tổ chức chốt giữ khu vực Tích Tường, Như Lệ, Tân Téo. Lúc này đồng chí Lương Ngọc Bát đã được trên điều về Tiểu ban Cán bộ của Trung đoàn 66, đồng chí Nguyễn Văn Loan được bổ nhiệm làm Chính trị viên đại đội. Đêm 1 tháng 5, khi đơn vị hành quân đến Tân Téo thì được lệnh tạm dừng. Ban chỉ huy Đại đội quán triệt cho bộ đội triển khai đội hình, nghỉ để ngày hôm sau hành quân tiếp.

Khoảng 2 giờ sáng hôm sau, đơn vị tôi bất ngờ bị máy bay B-52 rải thảm vào đội hình trú quân. Khi tạm dừng trú quân, Ban chỉ huy Đại đội bố trí nghỉ trong 2 chiếc hầm bán âm cách nhau chừng mười, mười lăm mét. Tôi cùng hai đồng chí thông tin của tiểu đoàn và đồng chí liên lạc nằm ở một hầm. Chính trị viên Nguyễn Văn Loan, Đại đội phó Hà Công Sang cùng hai chiến sĩ liên lạc nằm ở một hầm. Quả bom rơi trúng vào giữa hầm của đồng chí Chính trị viên làm tắt cả bốn đồng chí nằm hầm đó và ba đồng chí nằm cùng hầm tôi hy sinh ngay tại chỗ. Còn tôi bị bom hất ra khỏi hầm rơi vào vũng nước bên cạnh một khe suối. Khi chợt tỉnh lại, theo bản năng tôi vùng dậy và chạy. Quả thực lúc đó, tôi chỉ biết là mình phải chạy thôi chứ không định hướng được là sẽ chạy đi đâu. Rất may là tôi lại chạy về đúng chỗ trú quân của Ban chỉ huy Tiểu đoàn. Khi nhận ra mình đã chạy đến được Ban chỉ huy Tiểu đoàn, tôi hô lên, rất to và khẩn thiết: Ban chỉ huy Đại đội 11 hy sinh hết rồi! Sau đó tôi lại ngất lịm đi do bị sức ép nặng. Ngay lập tức các đồng chí trong Ban chỉ huy Tiểu đoàn điều lực lượng đưa tôi về bệnh xá của Trung đoàn 66 để điều trị.

Trong chiến đấu hay công tác Ban chỉ huy Đại đội 11 chúng tôi luôn đoàn kết, gắn bó yêu thương giúp đỡ nhau. Mặc dù mỗi người một quê nhưng khi về cùng một đơn vị, chúng tôi coi nhau như anh em trong một nhà, cùng nhau chia sẻ niềm vui, nỗi buồn. Nơi chiến trận, bom đạn dày đặc nhưng chưa bao giờ tôi phải chứng kiến tổn thất lớn như vậy. Sự nghiệt ngã của chiến tranh đã gây ra bao tổn thất khó lường. Thật là

đau thương vô cùng, khi tỉnh dậy và mãi đến tận bây giờ, nỗi đau ấy vẫn quấn quanh bên tôi.

Được sự chăm sóc tận tình của các y bác sĩ ở bệnh xá và sự động viên, an ủi của đồng chí, đồng đội, đến trung tuần tháng 6 năm 1972, sức khỏe tôi dần ổn định. Tôi xin ra viện về đơn vị tiếp tục chiến đấu. Các anh, chị ở bệnh xá động viên tôi nên điều trị thêm để khỏe hẳn rồi hãy về đơn vị. Qua thông tin của các đồng đội và nghe tin tức trên Đài phát thanh, tôi thấy giai đoạn này chiến trường đang có nhiều diễn biến có lợi cho quân ta, tin thắng lợi liên tiếp dồn về thôi thúc tôi trở về đơn vị để cùng đồng đội tham gia chiến đấu nên tôi kiên quyết xin ra viện. Về đến đơn vị, tôi được Đảng ủy và Ban chỉ huy Sư đoàn 304 bổ nhiệm làm Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 9.

Sau khi thị trấn Đông Hà và thị xã Quảng Trị được giải phóng, Trung đoàn 66 được lệnh đưa lực lượng về phía đồng bằng huyện Hải Lăng. Thời gian đơn vị về đứng chân ở đồng bằng huyện Hải Lăng cũng đúng lúc mùa mưa bắt đầu. Do vậy bộ đội rất vất vả khi xây dựng công sự, trận địa, hầu hết là công sự phải nằm trong lòng đất, nửa chìm nửa nổi. Nhân dân trong khu vực này cũng đã tản cư hết, nước ngập đồng lúa, vệt dẻ rất nhiều trứng trên đồng, để có thực phẩm chúng tôi đã cho bộ đội ra nhặt trứng về để bổ sung thêm nguồn thực phẩm cho bữa ăn. Những ngày đầu tháng 6 năm 1972, Tiểu đoàn 9 chúng tôi được giao nhiệm vụ tổ chức chốt giữ một số vị trí quan trọng ở phía bắc sông Nhùng. Bên bờ nam, địch bố trí dày đặc các lực lượng đóng theo dọc bờ sông.



Đến trung tuần tháng 6 năm 1972, Tiểu đoàn 9 nhận nhiệm vụ hành quân về chốt giữ động Ông Do và các điểm cao 105 Bắc, 105 Nam ở phía bắc sông Nhùng, sẵn sàng ngăn chặn, đánh trả các cuộc phản kích của địch nhằm tái chiếm các cứ điểm đã bị mất. Tiểu đoàn 9 bố trí một đại đội chốt giữ động Ông Do, lực lượng còn lại sẵn sàng cơ động đánh địch ở các khu vực xung quanh để giữ vững động Ông Do. Cho đến tận cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 1972, Tiểu đoàn 9 vẫn chốt giữ ở các điểm cao 105 Bắc, 105 Nam và Thượng Nguyên, không cho địch lấn chiếm ra vùng giải phóng ở bờ bắc sông Thạch Hãn.

Ngày 22 tháng 6, tôi được phân công trực tiếp chỉ huy Đại đội 9 và Đại đội 11, được tăng cường một đại đội xe tăng (thiếu) của Lữ đoàn xe tăng 202 có nhiệm vụ tiến công tiêu diệt quân địch phòng ngự ở điểm cao 54 thuộc xã Hải Thọ huyện Hải Lăng tỉnh Quảng Trị. Tại điểm cao 54, địch bố trí một đại đội bộ binh và một trận địa pháo 105 ly. Tôi cùng các chiến sĩ trình sát tiểu đoàn ra ngầm Thác Mã trên thượng nguồn sông Nhùng đón lực lượng xe tăng phối thuộc về vị trí tập kết chiến đấu của tiểu đoàn để làm công tác tổ chức hiệp đồng chiến đấu. Ngay đêm hôm đó, khi pháo binh của sư đoàn, trung đoàn bắn phá vào điểm cao 54 và các vị trí địch xung quanh, lực lượng bộ binh Tiểu đoàn 9 (thiếu) cùng với lực lượng xe tăng bí mật cơ động tiếp cận địch. Trong quá trình cơ động, có một chiếc xe tăng bị lầy không thể khắc phục cứu kéo được, chúng tôi đành phải để lại phía sau và cho ngụy trang chu đáo. Đúng 5 giờ ngày 23 tháng 6 năm 1972, Tiểu đoàn 9 (thiếu) hình

thành 3 hướng đồng loạt xung phong tiến công. Đại đội 11 cùng với 6 xe tăng đảm nhiệm hướng chủ yếu, khi thực hành xung phong đánh chiếm chiến hào tiền duyên của địch thì xích một chiếc xe tăng của ta bị hàng rào bùng nhùng địch quấn vào không tiến lên được đành phải dừng tại chỗ dùng hoả lực chi viện cho bộ binh. Khi ta xung phong đánh chiếm mỏm 1 điểm cao 54, địch dùng các loại hoả lực chống trả quyết liệt làm 2 xe tăng của ta trúng đạn bốc cháy. Kiên quyết tiến công tiêu diệt địch, bộ binh và xe tăng ta dùng hoả lực chế áp vào các hoả điểm địch và liên tục xung phong. Đến khoảng 7 giờ sáng, trận đánh kết thúc. Ta làm chủ hoàn toàn điểm cao 54, diệt phần lớn lực lượng bộ binh và trận địa pháo. Số địch sống sót tháo chạy về điểm cao 14 ở sát đường số 1. Không để địch chạy thoát, tôi ra lệnh cho bộ binh và xe tăng truy kích tiêu diệt quân địch ở điểm cao 14. Khoảng 10 giờ ngày 23 tháng 6, trận truy kích địch kết thúc, ta làm chủ hoàn toàn điểm cao 14. Sau khi thu dọn chiến trường, làm công tác chính sách, theo lệnh của trung đoàn, chúng tôi rời khỏi trận địa về vị trí tập kết ở bắc sông Nhùng.

Cuối tháng 6 năm 1972, địch bắt đầu mở các cuộc phản kích và lấn chiếm các địa bàn phía nam sông Thạch Hãn. Với lực lượng đông, hoả lực mạnh, địch đã lấn chiếm được làng Thượng Nguyên ở phía nam sông Nhùng. Sau đó địch bố trí khoảng một trung đội chốt giữ ở đó. Trung đoàn 66 giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn 9 tổ chức tập kích tiêu diệt lực lượng địch này. Theo sự thống nhất của Ban chỉ huy, ngày 22 tháng 7, tôi được đồng chí Nguyễn Văn Ngần - Tiểu đoàn trưởng giao

nhệm vụ trực tiếp chỉ huy Đại đội 10, được tăng cường một trung đội súng cối 82 ly và một tiểu đội ĐKZ 75 ly đánh địch ở làng Thượng Nguyên. Đêm 23 tháng 7, Đại đội 10 tổ chức tiếm nhập tiếp cận địch ở làng Thượng Nguyên. Sau 2 giờ chiến đấu ác liệt, chúng tôi đã tiêu diệt hoàn toàn lực lượng địch ở đây và làm chủ làng Thượng Nguyên. Sau đó, tôi cùng Đại đội 10 tổ chức trận địa chốt giữ làng Thượng Nguyên. Ngày hôm sau, từ sáng sớm đến tận chiều, địch sử dụng pháo binh bắn phá và cho máy bay oanh tạc vào trận địa của chúng tôi. Tôi bị trúng mảnh đạn pháo địch ở bắp chân phải và gáy bên phải, đơn vị cho người đưa tôi về trạm giao liên chờ đưa ra tuyến sau điều trị. Một lần nữa tôi lại phải tạm xa đơn vị, xa đồng đội thân yêu khi tiếng súng đánh địch vẫn nổ rộ trên khắp chiến trường.

Lần này, về điều trị ở hậu phương, tâm trạng tôi tuy thanh thản hơn, song nỗi day dứt nhớ về đơn vị, nhớ về đồng đội vẫn thường trực. Tôi luôn theo dõi tin chiến sự trên khắp chiến trường miền Nam, đặc biệt là Mặt trận Trị - Thiên, nơi đó đơn vị của tôi và các đồng đội của tôi đang hàng ngày, hàng giờ anh dũng chiến đấu đánh trả các cuộc hành quân phản kích tái chiếm của địch để bảo vệ vùng mới giải phóng.

Bị thất bại nặng nề trên chiến trường, để tìm lối thoát danh dự khi buộc phải rút khỏi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ đã cố trì hoãn việc ký kết Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và thực hiện một âm mưu nham hiểm và tàn bạo bằng cuộc tập kích đường không chiến lược nhằm đưa miền Bắc Việt Nam trở lại "thời kỳ đồ đá". Mỹ đã sử dụng

một lực lượng lớn không quân, chủ yếu là máy bay B-52 ném bom rải thảm vào Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác ở miền Bắc Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh, từ ngày 18 đến ngày 30 tháng 12 năm 1972, Quân chủng Phòng không - Không quân tiến hành chiến dịch phòng không cùng các lực lượng vũ trang trên miền Bắc đã đánh bại cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B-52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, thị xã khác. Ta đã bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay B-52, 5 máy bay F.111 "cánh cụp cánh xoè", bắt một số giặc lái. Dư luận thế giới gọi đây là trận "Điện Biên Phủ trên không".

Chiến thắng của trận "Điện Biên Phủ trên không" đã góp phần to lớn cùng với thắng lợi của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết tại Pa-ri, thủ đô nước Cộng hoà Pháp. Nội dung cơ bản của hiệp định là Mỹ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, cam kết chấm dứt dính líu quân sự, rút hết quân Mỹ và các nước khác, không can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Hiệp định có hiệu lực từ 7 giờ ngày 28 tháng 1 năm 1973.

Tin Hiệp định Pa-ri được ký kết đã nhanh chóng truyền lan khắp thế giới và nước Việt Nam. Nhân dân

yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới đã cổ vũ và chúc mừng thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Quân và dân ta trên hai miền Nam - Bắc tự hào và vui mừng báo cáo với Bác Hồ kính yêu là đã thực hiện được lời Bác dạy "*Đánh cho Mỹ cút*".

Để đi đến thắng lợi "*Đánh cho Mỹ cút*", nhân dân Việt Nam đã phải trải qua một cuộc kháng chiến trường kỳ, đầy gian khổ và hy sinh biết bao xương máu để đánh bại ý chí và hành động xâm lược của đế quốc Mỹ - một kẻ thù có tiềm lực kinh tế, quân sự và hung bạo nhất thế giới. Hiệp định Pa-ri được ký kết, niềm mong mỏi hoà bình của nhà nhà, người người đang dần trở thành hiện thực, trước mắt mọi người dân Việt Nam khát vọng độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc đang ngày càng đến gần. Ở miền Bắc, nhiều gia đình, người cha, người mẹ, người vợ, người em đang ngày ngày hướng về miền Nam mong ngóng tin về người thân của mình đang chiến đấu ở chiến trường.

Riêng tôi, một người lính đã từng chiến đấu vào sinh ra tử, giáp mặt với kẻ thù luôn ý thức được rằng, với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Nguyễn Văn Thiệu chưa bao giờ chịu từ bỏ mưu đồ chia cắt hai miền, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Khi kẻ thù còn đó, tôi tự nhủ rằng, cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn, xương máu của quân và dân ta còn tiếp tục phải đổ xuống để "*Đánh cho ngụy nhào*" thì mới hoàn thành được cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Với nhận thức đó, tôi luôn chuẩn bị cho mình tinh thần sẵn sàng trở lại đơn vị để tiếp tục

được cùng các đồng chí, đồng đội thân yêu chiến đấu tiêu diệt kẻ thù, góp sức lực nhỏ bé của mình vào sự nghiệp thống nhất đất nước.

Đầu năm 1973, sau khi sư đoàn ổn định vị trí trú quân, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đến thăm cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 304 tại Sở chỉ huy ở suối La La - Quảng Trị. Đại tướng đã cùng cán bộ chỉ huy sư đoàn đi thăm Hướng Hoá, Khe Sanh, Làng Vây, Tà Cơn - đây là những địa danh mà sư đoàn đã chiến đấu và chiến thắng quân địch. Đại tướng nhắc nhở lãnh đạo, chỉ huy sư đoàn phải làm tốt công tác tổng kết chiến đấu, đồng thời căn dặn: Sư đoàn này là một trong những sư đoàn thép của Quân đội nhân dân Việt Nam, phải huấn luyện và rèn luyện cho thật mạnh.

Lời căn dặn của Đại tướng như tiếp thêm sức mạnh cho cán bộ, chiến sĩ toàn sư đoàn bước vào thực hiện nhiệm vụ mới.

*Chương ba*  
**TRỞ LẠI CHIẾN TRƯỜNG**

SAU khi ăn Tết Quý Sửu, tôi được Đoàn điều dưỡng 296 cho về nghỉ phép một tháng. Trong thời gian nghỉ phép ở quê nhà, bố mẹ tôi và mọi người trong họ hàng ra sức thúc giục tôi cưới vợ, vì sợ nếu tôi tiếp tục vào chiến trường miền Nam chiến đấu sẽ không biết bao giờ mới được về và không biết sẽ sống chết ra sao? Chắc là tại anh trai tôi đã hy sinh ở chiến trường nên bố mẹ tôi càng lo hơn (mặc dù khi anh trai tôi vào chiến trường đã có vợ và chị dâu tôi đang mang thai cháu trai thứ hai). Thêm vào đó, thời gian này, em trai kế tôi đang học trên thị xã Phủ Lý, ở nhà chỉ còn bố mẹ tôi và hai em gái. Mẹ tôi sức khỏe yếu, lại ốm đau liên miên, hai em còn nhỏ nên mọi việc trong gia đình chỉ còn mình bố tôi gánh vác, bố mẹ tôi muốn tôi cưới vợ để phụ giúp việc gia đình.

Theo sự giới thiệu của họ hàng, bố mẹ tôi đã lên xóm trên hỏi cô Dung cho tôi. Thực sự tôi chưa muốn lấy vợ lúc này vì ý định của tôi là khi sức khỏe hồi phục tôi sẽ xin trở về đơn vị để cùng đồng chí, đồng đội tiếp tục chiến đấu. Chiến tranh còn kéo dài, nếu lấy vợ tôi sợ lại

thêm một người phải chờ đợi. Hằng ngày được bố mẹ động viên, tôi thấy rất khó xử. Một phần nghe lời khuyên của mọi người trong họ hàng và một phần cũng muốn bố mẹ yên tâm khi tôi trở lại chiến trường miền Nam chiến đấu, tôi đã lên xóm trên gặp Dung. Từ nhà tôi đến nhà Dung phải đi qua một cánh đồng, trên con đường trồng hai hàng dừa tỏa bóng rợp hai bên.

Qua tìm hiểu, tôi được biết Dung kém tôi 7 tuổi (năm đó Dung mới 19 tuổi, còn tôi đã 26 tuổi), đã học xong phổ thông cấp II và đang công tác tại cửa hàng lương thực huyện Kim Bảng. Dung là con cả, dưới có hai em trai và hai em gái. Bố Dung cũng là bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Mọi việc trong gia đình đều do một tay mẹ Dung quán xuyến. Là con cả, ngoài giờ làm việc ở cửa hàng, Dung còn phải gánh vác việc nhà phụ giúp mẹ chăm sóc các em.

Ngay lần gặp đầu tiên, Dung đã để lại trong tôi một ấn tượng tốt về một người con gái đảm đang. Ở Dung toát lên một vẻ đẹp thùy my, nét na của một cô thôn nữ. Là lần đầu gặp mặt nên cả tôi và Dung đều ngại ngùng, không biết nói chuyện gì ngoài mấy lời thăm hỏi bằng quơ. Sau lần gặp đầu tiên đó, hình ảnh của Dung cứ lớn vồn trong đầu tôi. Không hiểu tại sao càng về sau, ngày nào không được gặp Dung tôi cảm thấy bồn chồn và thiêu thiêu gì đó.

Sau vài lần đến chơi, Dung và mọi người trong gia đình đều rất mến tôi. Như có duyên có số từ trước, ông trời đã trao cho tôi và Dung sợi dây tơ hồng. Tôi chính thức đặt vấn đề với Dung và được cô ấy đồng ý. Từ đó,



mỗi lần đến chơi tôi được mọi người coi như người trong nhà, sau khi hỏi thăm mẹ Dung và mọi người, tôi được tự do gặp riêng Dung để nói chuyện. Nam nữ thời đó khác hẳn nam nữ bây giờ. Tuy đã được gia đình đồng ý, nhưng chúng tôi cũng chỉ dám cầm tay nhau để nói chuyện. Vì thời gian nghỉ phép của tôi chỉ được một tháng, do vậy hai gia đình thống nhất sẽ tổ chức cưới cho chúng tôi trước khi tôi hết phép.

Sau khi tôi báo cáo lãnh đạo, chỉ huy Đoàn 296 việc xin cưới vợ, lãnh đạo Đoàn đã cử người về quê xác minh lý lịch gia đình Dung và đồng ý cho chúng tôi cưới nhau. Cuối tháng 4 năm 1973, chúng tôi tổ chức đám cưới. Đang là thời chiến, nên đám cưới của chúng tôi được tổ chức rất đơn giản với sự chứng kiến của hai bên gia đình. Rất tiếc, bố vợ tôi đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam nên không thể về dự ngày vui của chúng tôi. Vì gia đình đang khó khăn, khi tổ chức cưới vợ cho tôi, mẹ tôi phải đi vay của hàng xóm một chiếc chăn hoa (sau này mẹ tôi đã dành dụm để mua trả họ một chiếc chăn khác)... Lúc nhỏ các cô con gái tôi rất thích và luôn tranh nhau được đắp chiếc chăn hoa đó. Sau này, khi các con tôi lớn, chiếc chăn hoa đã cũ nhưng vẫn được vợ tôi cất giữ như một kỷ vật. Thời gian tìm hiểu của chúng tôi chỉ vắn vẹn trong một tháng, nhưng chừng đó thời gian cũng đã đủ để chúng tôi đến với nhau, tin nhau và tiếp thêm sức mạnh cho nhau, động viên nhau cùng phấn đấu trong công tác.

Thời gian này, chiến trường miền Nam đang vào giai đoạn quyết liệt. Là người lính, thấy sức khỏe đã dần ổn

định, tôi luôn mong muốn trở lại ngay chiến trường để tham gia chiến đấu cùng đồng đội. Sau khi cưới được hơn 10 ngày, tôi trở về Đoàn an dưỡng 296 để xin được trở lại đơn vị. Nhưng các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Đoàn an dưỡng lại thông báo với tôi là vì sức khỏe của tôi giảm sút nhiều do lần bị thương nặng vừa rồi nên cấp trên quyết định cho tôi được phục viên. Nhận được tin này, tôi băn khoăn suy nghĩ, vừa muốn trở lại chiến trường vì mình là một cán bộ, đảng viên đã qua nhiều trận chiến đấu, và cũng vừa muốn phục viên để được về cùng sống với bố, mẹ và người vợ trẻ mới cưới. Sau nhiều lần suy nghĩ day dứt, tôi quyết định tìm cách trở lại đơn vị cũ.

Mấy ngày sau tôi xin phép lãnh đạo Đoàn an dưỡng cho tôi nghỉ phép mấy hôm. Tôi về nhà nói với vợ và gia đình là phải vào đơn vị để lấy giấy tờ làm thủ tục chuẩn bị phục viên. Nghe thấy vậy bố mẹ tôi rất mừng vì như vậy sẽ có thêm người ở nhà đỡ dần công việc gia đình và không phải lo lắng như khi tôi ra chiến trường. Nhưng thực chất là tôi nói dối gia đình để trở lại đơn vị cũ xin được tiếp tục chiến đấu.

Trung tuần tháng 5 năm 1973, vợ tôi đi xe đạp xuống ga Phủ Lý để tiễn tôi lên tàu vào Vinh. Vợ tôi tưởng tôi sẽ sớm trở về nên chỉ dặn dò tôi giữ sức khỏe vì sợ các vết thương của tôi vẫn chưa lành hẳn. Còn tôi trong lòng không khỏi bịn rịn, nhớ nhung vì mới lấy nhau lại phải đi xa, mà lần đi này tôi có chủ định đi vào chiến trường để xin tiếp tục chiến đấu nên không biết bao giờ mới trở về. Lúc chia tay, nhìn vào mắt vợ tôi

thấy cô ấy rất vững vàng nên lòng tôi cũng bớt đi phần phân vân. Chính lòng can đảm của cô ấy đã tiếp sức cho bước chân của tôi thêm vững vàng. Trong chiến tranh, tình yêu đã trở thành nguồn sức mạnh vô tận. Nó tiếp thêm ý chí, nghị lực cho mỗi con người để dũng cảm, tự tin hơn khi đối diện với bom đạn khốc liệt của kẻ thù. Ca dao tục ngữ Việt Nam có câu "Của chồng công vợ" nên bây giờ tôi vẫn thường kể với bạn bè "*Nếu không có cô ấy chắc sẽ chẳng ai biết đến tên tôi như bây giờ*". Vì nói dối bố mẹ và vợ để tìm cách quay lại chiến trường nên trong lòng tôi luôn cảm thấy có lỗi. Nhưng dần dần mặc cảm có lỗi cũng nguôi ngoai vì chiến trường phía trước và đồng đội đang chờ tôi vào góp sức.

Vào đến Vinh tôi đi tiếp bằng ô tô vào Đồng Hới - Quảng Bình, sau đó tôi đi bộ về Tiểu đoàn 28 thu dung của sư đoàn. Tôi được Tiểu đoàn 28 đưa về Trung đoàn 66 ở Cam Lộ - Quảng Trị. Vào đến nơi tôi báo cáo với Thủ trưởng đơn vị là tôi đã điều trị lành vết thương và trở lại đơn vị xin tiếp tục được chiến đấu cùng đồng chí, đồng đội.

Sau khi được Đảng ủy và Ban chỉ huy Trung đoàn 66 đồng ý, tôi viết thư về nhà thông báo là đã về đơn vị để làm thủ tục phục viên, nhưng do đơn vị đang thiếu cán bộ có kinh nghiệm chiến đấu và thấy tôi đã khoẻ nên quyết định giữ lại tiếp tục chiến đấu. Không biết nên cho là may hay không may, do đơn vị liên tục cơ động và chuyện thư từ thời chiến quả là khó khăn, nên tôi không phải nhận những lời trách móc của gia đình.

Tháng 6 năm 1973, tôi được sư đoàn điều động về làm trợ lý tác chiến ở Ban Tác chiến Sư đoàn 304. Đầu tháng 8 năm 1973, tôi được bổ nhiệm làm Tham mưu phó Trung đoàn 66. Khi về công tác tại Ban Tham mưu Trung đoàn, tôi được giao nhiệm vụ huấn luyện cho bộ đội. Thời gian này, đơn vị chúng tôi đóng quân tại Tân Lâm - Ba Lòng - Quảng Trị.

Trong thời gian đóng quân tại Tân Lâm, cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 304 được các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và quân đội tới thăm và động viên. Tháng 9 năm 1973, cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 304 tại điểm cao 241 đã rất phấn khởi và tự hào được đón Thủ tướng Phạm Văn Đồng và đồng chí Phi-đen Cát-xơ-rô - Bí thư thứ nhất Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Cu Ba, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hoà Cu Ba đến thăm. Chúng tôi nhớ mãi hình ảnh đồng chí Phi-đen Cát-xơ-rô đứng trên nòng khẩu pháo 175 ly "vua chiến trường" của Mỹ, tay phất cao lá cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và nói: "Các đồng chí hãy mang lá cờ bách chiến bách thắng này cắm tại Sài Gòn".

Năm 1973, mặc dù Hiệp định Pa-ri về "chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam" đã được ký kết, nhưng đế quốc Mỹ vẫn nuôi tham vọng, tiếp tục thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Bên cạnh sự bàn giao hầu hết vũ khí trang bị của quân Mỹ ở miền Nam cho quân đội Sài Gòn, Chính phủ Mỹ tiếp tục viện trợ, bổ sung nhiều vũ khí trang bị kỹ thuật quân

sự cho quân đội Sài Gòn, nhằm mục tiêu giúp chính quyền Nguyễn Văn Thiệu trụ vững tại miền Nam và mở rộng lực lượng quân sự, đẩy mạnh các hoạt động lấn chiếm nhằm phá hoại Hiệp định Pa-ri.

Sau nhiều ngày chiến đấu trên các chiến trường, thời gian này các đơn vị mới có điều kiện để bổ sung quân số và tổ chức huấn luyện cơ bản các hình thức chiến thuật từ tổ 3 người đến chiến thuật cấp tiểu đoàn. Về kỹ thuật, bộ đội được huấn luyện các loại vũ khí trong biên chế một cách cơ bản, hệ thống. Trình độ chỉ huy của cán bộ từ cấp tiểu đội trở lên đã được nâng cao, trình độ kỹ thuật, chiến thuật của chiến sĩ được huấn luyện thuần thục. Giai đoạn này các đơn vị vừa huấn luyện vừa tham gia tăng gia sản xuất, trồng rau để cải thiện đời sống bộ đội. Dọc theo ven suối của nhánh sông Ba Lòng là những vườn rau xanh tốt và chuồng trại chăn nuôi được bộ đội gây dựng chăm sóc như những vườn rau ở quê nhà miền Bắc. Ngoài công tác huấn luyện, đơn vị chúng tôi còn tổ chức cho cán bộ quân sự, chính trị đi xây dựng cơ sở chính quyền cách mạng và tham gia huấn luyện dân quân du kích cho các thôn làng xung quanh khu vực đóng quân của đơn vị. Các đơn vị vừa huấn luyện vừa nhận thêm nhiệm vụ làm đường chiến lược để nối các tuyến đường từ đường số 9 vào sâu trong vùng tây Thừa Thiên.

Đến cuối tháng 10 năm 1973, đơn vị chúng tôi tổ chức diễn tập với hình thức chiến thuật tiến công địch trong công sự vững chắc đến cấp tiểu đoàn. Từ tháng 11 năm 1973 đến đầu năm 1974, đơn vị chủ yếu tham gia

làm đường. Thời gian này, cùng với việc làm đường, các đơn vị tổ chức học tập nghị quyết Đảng các cấp để nâng cao nhận thức chính trị cho bộ đội, giúp cán bộ, chiến sĩ không mơ hồ mất cảnh giác và sẵn sàng nhận nhiệm vụ chiến đấu. Theo phân cấp, Trung đoàn 66 tổ chức tập huấn các hình thức chiến thuật cho cán bộ từ tiểu đội đến trung đội. Sư đoàn 304 tổ chức tập huấn cán bộ từ đại đội đến tiểu đoàn. Mỗi đợt tập huấn kéo dài khoảng 1 tháng. Cấp trưởng đi tập huấn trước sau đó là cấp phó đi tập huấn, cứ luân phiên thay nhau theo từng đợt như vậy.

Trong đợt tập huấn ở sư đoàn, tháng 1 năm 1974, đại biểu cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 304 đã vinh dự được đón đồng chí Trường Chinh - Chủ tịch Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đến thăm. Đồng chí đã ghi vào sổ vàng truyền thống của sư đoàn: "... Các đồng chí hãy xứng đáng là Quân đội nhân dân anh hùng của dân tộc Việt Nam anh hùng". Lời căn dặn đó của đồng chí Trường Chinh như khích lệ cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 304 vượt qua mọi khó khăn, gian khổ bước vào năm 1974 đầy cam go thử thách.

Tháng 3 năm 1974, Sư đoàn 304 và Trung đoàn 66 hoàn thành công tác tập huấn cho cán bộ các cấp. Đây là thời gian đơn vị được biên chế đầy đủ nhất về quân số và vũ khí trang bị.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 03 của Quân ủy Trung ương: "*Tiếp tục dùng chiến tranh cách mạng để đánh bại chiến tranh phản cách mạng, trước mắt là*

*thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đánh bại bình định, lấn chiếm của địch, giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực ta*", với phương châm chủ động phản công và tiến công địch giành lại vùng giải phóng, trong mùa khô 1973-1974, ta đã giành lại hầu hết các vùng giải phóng. Bước sang năm 1974, tình hình chung trên chiến trường miền Nam cũng như trên chiến trường Trị - Thiên đã có bước chuyển biến rõ rệt có lợi cho ta. Thế và lực của ta đã mạnh lên nhiều, địch ở thế suy yếu toàn diện. Để đẩy nhanh quân địch đến chỗ thất bại hoàn toàn, xuất phát từ tình hình thực tiễn cục diện trên chiến trường, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chủ trương thành lập các quân đoàn chủ lực.

Sau khi Quân đoàn 1 - Binh đoàn Quyết Thắng được thành lập tháng 10 năm 1973 tại miền Bắc, ngày 17 tháng 5 năm 1974, Quân đoàn 2 - Binh đoàn Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 67/QP-QĐ. Đây là sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của quân đội ta trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, có ý nghĩa lớn trong việc tạo nên một lực lượng mới trên chiến trường, có sức chiến đấu lớn, sức đột kích mạnh, có tính cơ động cao, tác chiến hiệp đồng quân binh chủng quy mô lớn. Sư đoàn 304 là một trong ba sư đoàn bộ binh của Quân đoàn 2. Ngoài 3 sư đoàn bộ binh (324, 304, 325), trong đội hình Quân đoàn 2 còn có Sư đoàn phòng không 673, Lữ đoàn pháo binh 164, Lữ đoàn xe tăng 203, Lữ đoàn công binh 219, Trung đoàn thông tin 463. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 khi mới thành lập gồm các đồng chí: Hoàng Văn Thái - Tư lệnh, Lê Linh - Chính ủy, Hoàng Đan - Phó Tư lệnh,

Nguyễn Công Trang - Phó Chính ủy, Bùi Công Ái - Tham mưu trưởng, Lê Khả Phiêu - Chủ nhiệm chính trị, Nguyễn Ngọc Thực - Chủ nhiệm hậu cần.

Quân đoàn 2 được thành lập, Trung đoàn 66 chúng tôi từ một đơn vị chiến đấu độc lập trong vùng hậu địch chống Pháp năm nào, được vinh dự đứng trong đội hình Đại đoàn Vinh Quang - Sư đoàn 304, nay lại cùng Sư đoàn 304 được đứng trong đội hình Quân đoàn 2. Mỗi cán bộ, chiến sĩ trung đoàn bồi hồi, xúc động và tự hào trước từng bước lớn mạnh, trưởng thành của đơn vị. Ngày thành lập quân đoàn, trung đoàn chúng tôi cùng các đơn vị trong toàn sư đoàn đang tiếp tục huấn luyện nâng cao các hình thức chiến thuật cho cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị và tiếp tục xây dựng cơ sở quần chúng khu vực vùng mới giải phóng.

Ngay sau khi thành lập Quân đoàn 2, Sư đoàn 304 được Bộ và Quân đoàn giao nhiệm vụ phối thuộc chiến đấu cho Quân khu 5, diệt một số vị trí địch lấn chiếm sâu vào vùng giải phóng nhằm xoá các lổm, tạo thế cho chiến trường. Thực hiện nhiệm vụ trên, cuối tháng 5 năm 1974, đơn vị tôi được giao nhiệm vụ sẵn sàng hành quân vào phía Nam tham gia các chiến dịch lớn. Cán bộ quân sự cấp trung đoàn, tiểu đoàn, các cơ quan tham mưu đi theo đường đông Trường Sơn qua Thừa Thiên đến tây Quảng Đà để trinh sát đường cơ động lực lượng. Sau đó tiếp tục tổ chức trinh sát địa hình và địch tại khu vực Thượng Đức phía tây huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Đà.

Trước những thắng lợi liên tiếp của quân và dân ta trong những tháng đầu năm 1974, nhất là sau khi cứ



điểm Ya Súp, Đắc Pét, Măng Đen ở Tây Nguyên bị tiêu diệt, mở ra một khả năng mới về đánh tiêu diệt của ta. Thực hiện ý định chiến lược của Bộ Tổng Tư lệnh, tháng 6 năm 1974, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 quyết định mở đợt hoạt động quân sự lớn, mở Chiến dịch Nông Sơn - Thượng Đức trên địa bàn hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà nhằm tiêu diệt một phần sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, giải phóng đất đai, mở rộng vùng giải phóng, đánh bại một bước kế hoạch "bình định" lấn chiếm của địch, hỗ trợ quần chúng đấu tranh, nổi dậy giành quyền làm chủ, làm chuyển biến so sánh lực lượng và thế có lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược trong năm 1975. Chỉ thị của Bộ Tổng Tham mưu chỉ rõ: Phải tiêu diệt gọn quân địch, giải phóng Thượng Đức, thu hút và giam chân quân chủ lực của chúng để phối hợp với toàn miền Nam, góp phần đẩy mạnh hoạt động của ta ở Quân khu 5 và rèn luyện bộ đội. Chiến dịch mang mật danh K711.

Theo chủ trương trên, Thượng Đức được xác định là khu vực tác chiến trọng yếu. Chiến dịch Nông Sơn - Thượng Đức được mở ra nhằm đánh thắng quân địch cả về quân sự và chính trị. Trong đó, về quân sự là diệt gọn quân địch tại chỗ, thu hút, giam chân và tiêu diệt một bộ phận lực lượng cơ động chiến lược của địch; về chính trị là giải phóng và bảo đảm đời sống cho hơn một vạn dân, đập tan hệ thống chính quyền cơ sở và bọn tề điệp ác ôn, giữ vững vùng giải phóng, đánh bại quân địch đến giải tỏa, tạo điều kiện thuận lợi cho các chiến dịch khác trên chiến trường phát triển và giành thắng lợi.

Ngày 6 tháng 6 năm 1974, tại Sở chỉ huy Sư đoàn 304 đặt tại Km 282 (cầu Bung), trên trục đường số 14, đồng chí Chu Huy Mân - Tư lệnh Quân khu 5 đến giao nhiệm vụ cho sư đoàn. Theo đó, Sư đoàn 304 (thiếu Trung đoàn bộ binh 9) được tăng cường Trung đoàn bộ binh 3 Sư đoàn 324 Quân đoàn 2 và hai tiểu đoàn bộ binh địa phương tỉnh Quảng Đà, cùng một số đơn vị chiến đấu và bảo đảm chiến đấu khác đảm nhiệm tiến công tiêu diệt toàn bộ quân địch trong khu vực Thượng Đức (từ cầu Chìm trở lên), phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương diệt và bắt gọn lực lượng địch; giải phóng nhân dân trong khu vực Thượng Đức, đánh tiêu diệt một phần quân giải tỏa, thu hút và kìm giữ quân cơ động ngay tại khu chiến, tạo điều kiện cho địa phương đánh phá kế hoạch của địch, giành dân, bảo vệ dân, mở rộng và khôi phục lại vùng địch dã lấn chiếm ở đồng bằng, sẵn sàng phát triển sang vùng B Đại Lộc. Sau khi cơ bản hoàn thành nhiệm vụ chiến dịch, sử dụng một tiểu đoàn bộ binh, một bộ phận hỏa lực, phối hợp cùng địa phương tác chiến bảo vệ vùng giải phóng.

Thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304 quyết định sử dụng Trung đoàn 66 làm lực lượng tác chiến chủ yếu. Theo nhiệm vụ, Trung đoàn 66 được tăng cường một đại đội tên lửa chống tăng B-72 (thiếu 1 trung đội), một đại đội tên lửa phòng không tầm thấp A-72, một đại đội súng máy phòng không 12,7 ly đảm nhiệm tiến công trên hướng chủ yếu. Trước mắt là tiêu diệt cứ điểm Thượng Đức. Sau khi hoàn thành

nhệm vụ để lại một đại đội bộ binh ở lại chốt giữ khu vực đã chiếm cùng với lực lượng vũ trang địa phương truy quét tàn quân địch; đồng thời đưa một tiểu đoàn bộ binh và một bộ phận hỏa lực sang nam sông Cái, bố trí ở khu vực điểm cao 265 sẵn sàng đánh địch giải tỏa. Bộ phận còn lại chuyển về khu vực An Điền làm dự bị cho sư đoàn, sẵn sàng đánh địch lấn chiếm.

Đầu tháng 6 năm 1974, toàn đơn vị nhận lệnh hành quân theo tuyến đường đã được trung đoàn tổ chức trinh sát. Được sự hỗ trợ của quân đoàn, toàn bộ đội hình Trung đoàn 66 tổ chức hành quân bằng cơ giới. Đây là lần đầu tiên đơn vị được tổ chức hành quân bằng cơ giới quy mô lớn với hàng trăm xe vận tải của sư đoàn, xe ô tô vận tải quân sự 711 của Bộ Tư lệnh 559 đảm nhiệm vận chuyển bộ đội. Do các đồng chí Trung đoàn trưởng, Tham mưu trưởng trung đoàn đã đi trước chuẩn bị chiến trường, tôi được Ban chỉ huy Trung đoàn giao nhiệm vụ cùng các đồng chí Chính ủy, Phó chính ủy chỉ huy trung đoàn hành quân. Vì hành quân đường dài và bằng cơ giới, chúng tôi làm kế hoạch hành quân rất chu đáo và chặt chẽ, dự kiến nhiều tình huống có thể xảy ra để sẵn sàng xử trí tốt trong quá trình hành quân. Mỗi trung đội được bố trí ngồi trên một xe Zil 157.

Xuất phát từ Khe Van, đoàn xe ra quân với khí thế sôi nổi, trên khuôn mặt của mỗi cán bộ, chiến sĩ đều ánh lên niềm vui háo hức được ra trận lập công. Đoàn xe của trung đoàn nối theo nhau tiến về phía Nam, từng xe được ngựa trang kín đáo. Thanh niên xung phong và

nhân dân hai bên đường hân hoan chào đón và tiễn đoàn quân ra trận. Đội hình hành quân của đơn vị chúng tôi đi theo từng tiểu đoàn một. Tiểu đoàn 7 xuất phát trước, khi đi hết chặng thứ nhất, thì Tiểu đoàn 8 xuất phát theo đội hình cuốn chiếu sâu do. Cứ như thế chúng tôi hành quân rất bí mật và bảo đảm an toàn. Sau nửa tháng hành quân, ngày 20 tháng 6 chúng tôi đến vị trí tập kết tại khu vực Bến Giàng, trong một cánh rừng già sát biên giới Việt - Lào, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 60 cây số về phía tây. Tại đây chúng tôi bố trí từng đại đội, từng tiểu đoàn ở từng khu rừng khác nhau để xây dựng lán trại và công sự hầm hào kiên cố, đồng thời tổ chức tăng gia sản xuất xây dựng hậu cứ tập kết của đơn vị để có đủ rau xanh và thực phẩm bổ sung vào bữa ăn cho bộ đội trong quá trình chiến đấu. Sau một tuần xây dựng công sự và lán trại tại hậu cứ, chúng tôi sử dụng mỗi tiểu đoàn 2 đại đội đi làm đường cơ động, từ tuyến đường đông Trường Sơn theo nhánh đi xuống đồng bằng tỉnh Quảng Đà. Trong quá trình làm đường, chúng tôi phải bảo đảm bí mật tuyệt đối không được chặt các cây to, chỗ nào trống trải thì làm đường đến đâu phải ngụy trang đến đó, không để lộ đất đỏ và mặt đường để phòng máy bay trinh sát địch phát hiện được những con đường mới. Cán bộ cấp trưởng từ đại đội trở lên tiến hành di trình sát thực địa ở căn cứ Thượng Đức, cán bộ cấp phó tổ chức huấn luyện bộ đội và chỉ huy làm đường.

Đến trung tuần tháng 7 năm 1974, cơ bản mạng đường sá cơ động đã hoàn thành để đưa pháo, đạn và vận tải lương thực, thực phẩm theo yêu cầu của Bộ chỉ huy chiến dịch. Do làm tốt công tác ngụy trang, nên chúng tôi vẫn giữ được bí mật, địch chưa phát hiện được vị trí tập kết và những tuyến đường mới mở của ta.

Khoảng ngày 20 tháng 7, chúng tôi nhận được lệnh chuẩn bị đưa bộ đội vào vị trí tập kết chiến đấu, sẵn sàng tiêu diệt địch ở căn cứ Thượng Đức. Tham gia chiến dịch này cùng chúng tôi có Trung đoàn pháo binh 68 (thiếu), một đại đội cối 160 ly của Quân khu 5, một tiểu đoàn pháo phòng không 37 ly, một đại đội tên lửa phòng không tầm thấp A-72 (thiếu), một đại đội tên lửa chống tăng B-72, một tiểu đoàn công binh của Lữ đoàn 219, hai tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh Quảng Đà, hai đại đội bộ đội địa phương huyện Đại Lộc, một tiểu đoàn đặc công... Quá trình chiến đấu, chúng tôi được pháo binh của Quân khu 5 chi viện.

Khi được nhận nhiệm vụ tham gia chiến dịch Nông Sơn - Thượng Đức, cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị rất phấn khởi vì từ sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết và có hiệu lực, hằng ngày địch vẫn lấn chiếm và đánh phá ra vùng giải phóng của ta. Chính vậy, mọi người rất mong muốn được chiến đấu ngăn chặn các đợt hành quân lấn chiếm của địch. Cơ quan chính trị tổ chức học tập cho đơn vị về ý nghĩa, mục đích của trận chiến đấu, xây dựng quyết tâm và đăng ký thi đua diệt địch lập công. Cơ quan tham mưu chỉ đạo tổ chức xây dựng thao

trường, bố trí các lô cốt, hỏa điểm, hệ thống vật cản gần giống như căn cứ Thượng Đức của địch mà ta đã đi trinh sát trong những ngày trước đây. Trung đoàn tổ chức, chỉ đạo cho các phân đội huấn luyện thành thạo các thủ đoạn chiến đấu tiến công địch trong công sự vững chắc, hướng dẫn cho các bộ phận làm nhiệm vụ tiến công phá các hàng rào, mở cửa mở để lực lượng ta tiến sâu vào trong căn cứ địch bằng hỏa khí FR (rồng lửa), bằng các biện pháp bộc phá đồng loạt và bộc phá liên tục.

Thượng Đức là một quận nằm ở phía tây tỉnh Quảng Đà (nay là tỉnh Quảng Nam). Quận lỵ Thượng Đức cách thành phố Đà Nẵng khoảng 40 cây số về phía tây. Khu vực Thượng Đức nằm trên một địa hình hiểm trở, ba mặt là núi cao, có nhiều vách núi dựng đứng. Phía Bắc có núi cao, rừng rậm, có dãy Tiên Sơn, điểm cao 776 kéo dài đến điểm cao 1.062 thoải dần xuống sát sông Vu Gia. Đối diện với dãy Tiên Sơn là dãy Đường Lâm có độ cao 1.223 mét. Phía nam cách khoảng 1,5 cây số là dãy Hữu Trinh cao 1.030 mét, kéo về phía đông là điểm cao 265, Cấm Muông. Sát căn cứ Thượng Đức có dãy An Diêm và các điểm cao 633, 302, 200, 163, Gò Cấm, Ba Khe... Khu vực B Đại Lộc nằm ở phía nam sông Vu Gia là vùng đồng bằng giáp ranh, có nhiều đầm nước, phía bắc và tây bắc là những dãy núi cao liên tiếp, suối sâu. Làng mạc khu vực này xác xơ do bị địch càn quét đánh phá liên tục. Hệ thống đường sá khu vực này gồm đường số 4 chạy từ Hòa Phát qua Hiếu Đức chạy ngang qua Thượng Đức đến Bến Hiên, đường số 14 chạy từ

Thượng Đức qua cầu Hội Khánh đến Bến Giàng. Mặt đường từ Hòa Phát đến Hiếu Đức rộng từ 4 đến 6 mét, từ Hiếu Đức đến Thượng Đức đường rộng 4 mét, nhiều đoạn bị hỏng nặng chỉ còn vệt đường mòn, cây cối mọc che khuất nhiều. Ngoài ra, khu vực này còn có nhiều cầu nhỏ bắc qua các con suối, nhưng đa số là cầu bê tông đều đã bị sập hỏng. Phía nam có sông Cái (có đoạn được gọi là Thạch Mỹ, có đoạn gọi là Vu Gia) rộng trên 200 mét. Phía bắc - đông bắc có sông Côn rộng từ 60 đến 80 mét. Cầu Hà Tân bắc qua sông Côn, nối liền khu trung tâm sang sân bay Đại An. Hai con sông này vào khoảng tháng 5 và tháng 6 nước rất cạn, nhiều đoạn có thể lội qua được.

Qua trinh sát, chúng tôi đi đến kết luận, địa hình vùng Thượng Đức phía tây có các dãy núi cao, cây cối rậm rạp tiện cho ta giấu quân và triển khai lực lượng. Phía nam tiện bố trí hỏa lực, dài quan sát, phía bắc có nhiều dãy đồi thấp liên tiếp có thể tổ chức chiến đấu phòng ngự và phản kích tốt.

Vùng B Đại Lộc là vùng giải phóng cũ. Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, địch đã tổ chức lấn chiếm lại nhưng ta vẫn còn cơ sở để hoạt động. Riêng khu vực Thượng Đức, người dân ở đây gồm nhiều thành phần đảng phái, tôn giáo phức tạp, cơ sở của ta còn yếu nên địch tập trung o ép, kìm kẹp. Nhưng cơ bản người dân nơi đây vẫn giữ vững niềm tin với Đảng, với cách mạng, nên các cơ sở cách mạng của ta vẫn bám trụ và tiếp tục phát triển, các đội công tác vũ trang từng bước hoạt động có hiệu quả.

Với địa thế là tiền đồn "mắt ngọc của đầu rồng", là "cánh cửa thép bất khả xâm phạm" ở phía tây thành phố Đà Nẵng, chi khu Thượng Đức được dịch tổ chức phòng thủ rất kiên cố. Lợi dụng địa thế hiểm yếu của địa hình, dịch xây dựng một hệ thống phòng thủ liên hoàn. Cơ quan chỉ huy, trung tâm thông tin và các kho tàng dự trữ đều nằm sâu dưới lòng đất. Do đó, trong các năm từ 1968 đến 1970 ta đã nhiều lần tổ chức đánh Thượng Đức nhưng không thành công. Sau mỗi lần bị ta tiến công, quân địch lại tăng cường thêm hệ thống phòng ngự kiên cố hơn. Chúng huênh hoang tuyên bố: "nước sông Vu Gia có chảy ngược thì Việt cộng mới lấy được Thượng Đức".

Căn cứ Thượng Đức được xây dựng công sự trận địa rất vững chắc, có tới 105 lô cốt và hầm ngầm. Lô cốt được xây dựng bằng bê tông cốt thép nửa chìm nửa nổi, quanh các lô cốt có các giao thông hào. Vòng ngoài dịch bố trí hệ thống vật cản bằng hàng chục hàng rào dây thép gai và các bãi mìn. Các hoạt động của địch chủ yếu ở dưới mặt đất. Ngoài căn cứ chính còn có 3 tiền đồn bảo vệ vòng ngoài. Tiền đồn A cách trung tâm căn cứ Thượng Đức khoảng 500 mét về phía bắc, có nhiệm vụ án ngữ toàn bộ phần đông bắc và bắc căn cứ Thượng Đức. Tiền đồn B cách căn cứ Thượng Đức khoảng 500-700 mét, án ngữ và bảo vệ phía tây - tây bắc căn cứ Thượng Đức. Tiền đồn C là một quả đồi độc lập nằm sát quốc lộ số 14 từ Đà Nẵng đi lên Giàng nằm sát sông Vu Gia, có nhiệm vụ bảo vệ sườn tây - tây nam căn cứ Thượng Đức. Phía đông và đông nam là thôn Hà Tân, đây là vùng chiếm đóng của



quân đội ngụy và chính quyền ngụy cùng khu gia binh của lực lượng địch ở Thượng Đức.

Căn cứ Thượng Đức được chia ra làm 3 khu, khu chính gồm chỉ huy và một đại đội của tiểu đoàn 79, hai khẩu pháo 105 ly, hai khẩu cối 106,7 ly, hai khẩu cối 81 ly, ba khẩu đại liên và một sân bay trực thăng. Khu bảo an được địch bố trí hai đại đội bảo an. Còn khu quận lỵ là khu hành chính, có hầm ngầm, địch bố trí một đại đội cảnh sát dã chiến. Căn cứ Thượng Đức do tên thiếu tá Nguyễn Quốc Hùng - quận trưởng trực tiếp chỉ huy. Hệ thống công sự vật cản ở căn cứ Thượng Đức được cấu trúc kiên cố, vững chắc, phức tạp, xen kẽ với các áp chiến lược. Mỗi vị trí tiền đồn có từ 5 đến 10 lô cốt, một số bằng bê tông, còn lại bằng gỗ và đất, do một trung đội địch chiếm giữ. Xung quanh các tiền đồn địch đều bố trí hệ thống vật cản bằng hàng rào dây thép gai các loại và các bãi mìn. Trong cứ điểm Thượng Đức còn có hàng rào ngăn cách giữa các phân khu với nhau.

Lực lượng địch ở Thượng Đức có tiểu đoàn 79 biệt động biên phòng, tiểu đoàn bảo an 148 và đại đội bảo an 704, một trung đội pháo 105 ly, một đại đội cảnh sát dã chiến và 21 trung đội dân vệ, 3 trung đội phòng vệ dân sự (có gần 100 tên), 3 ban hội đồng của 3 xã Lộc Bình, Lộc Vĩnh, Lộc Ninh... Ngoài ra, còn có đại đội biệt động biên phòng đóng ở chợ Hà Tân, đại đội bảo an 704 ở Đông Phước 2 và 17 trung đội dân vệ ở các tiền đồn A, B, C. Tất cả được đặt dưới sự chỉ huy của tên thiếu tá

quận trưởng Nguyễn Quốc Hùng. Đội hình bố trí thành từng cụm cứ điểm liên hoàn, trung tâm cụm là cứ điểm Thượng Đức nối liền với hậu phương địch về phía đông. Về hỏa lực, địch có 18 khẩu pháo cối các loại và 27 khẩu đại liên, trong quá trình chiến đấu sẽ được máy bay chi viện từ 30 đến 40 lần chiếc một ngày và pháo binh từ Ái Nghĩa, Núi Đất bắn chi viện. Lượng gạo và đạn luôn được địch dự trữ với khối lượng lớn đủ bảo đảm cầm cự dài ngày nếu bị ta tiến công.

Sau một tuần học tập chính trị và huấn luyện bổ sung, ngày 20 tháng 7, đơn vị chúng tôi bắt đầu tổ chức từng hướng hành quân vào vị trí tập kết chiến đấu. Khi vào vị trí tập kết chiến đấu, các đơn vị tuyệt đối giữ bí mật, xây dựng công sự hầm hào. Sau đó các cán bộ quân sự tiếp tục đi trinh sát nắm tình hình địch ở khu vực tác chiến.

Chiến dịch Nông Sơn - Thượng Đức do Bộ Tư lệnh Quân khu 5 trực tiếp chỉ huy. Trên hướng Thượng Đức - một hướng rất quan trọng của chiến dịch, để thống nhất chỉ huy và phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng quân sự và chính trị, Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 5 đã quyết định tổ chức một bộ chỉ huy thống nhất để chỉ huy bao gồm Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304, đồng chí Chủ tịch tỉnh Quảng Đà và đồng chí Chỉ huy phó quân sự tỉnh Quảng Đà. Chủ trương của Bộ Tư lệnh chiến dịch là trong đợt hoạt động tác chiến này phải giành thắng lợi cả về quân sự và chính trị.

Ý định của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 304 nổ súng vào ngày 25 tháng 7. Nhưng

do công tác chuẩn bị chưa chắc chắn, lượng đạn, gạo chưa bảo đảm được nếu chiến dịch kéo dài; mặt khác, một số đơn vị cần hoàn chỉnh nốt những đoạn đường còn lại nên sư đoàn báo cáo với Bộ Tư lệnh Quân khu 5 là chưa thể nổ súng vào ngày 25 tháng 7 được và đề nghị nổ súng vào ngày 31 tháng 7. Căn cứ vào quyết tâm, kế hoạch tác chiến chiến dịch và tình hình thực tế, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 quyết định vào ngày 29 tháng 7, Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 phải nổ súng tiến công đánh chiếm căn cứ Thượng Đức vì kế hoạch chung đối với toàn mặt trận.

Lúc này địch đã bắt đầu chú ý đến khả năng có một lực lượng lớn bộ đội ta đang hành quân hướng vào căn cứ Thượng Đức, nhưng do chúng ta nghi binh và ngụy trang tốt, nên dù chúng tăng cường máy bay hoạt động trinh sát trên không và tung một số toán thám báo biệt kích mở rộng phạm vi hoạt động để thăm dò hoạt động của lực lượng ta vẫn không phát hiện được ý đồ tiến công vào Thượng Đức của ta. Mặt khác, một số trận trước lực lượng ta đã tổ chức đánh vào Thượng Đức nhưng không thành công, nên địch tỏ ra chủ quan và cho rằng chúng ta chưa có điều kiện để đánh vào Thượng Đức. Đây cũng là một điều kiện thuận lợi cho ta.

Lúc này không khí chuẩn bị chiến đấu ở Trung đoàn 66 hết sức khẩn trương và sôi động. Ở các tiểu đoàn, bộ đội hồi hả vận chuyển vũ khí, đạn dược, lương thực, thực phẩm. Tại cơ quan trung đoàn không khí chuẩn bị chiến đấu còn náo nhiệt hơn. Ban Tham mưu ngoài việc chuẩn bị lực lượng đi trinh sát địch còn

chuẩn bị hoàn chỉnh các văn kiện và các kế hoạch chiến đấu. Ban Chính trị triển khai các việc xác định quyết tâm, bản đăng ký thi đua diệt địch của từng đơn vị, in và gửi thư động viên của Tỉnh ủy Quảng Đà xuống các đơn vị. Ban Hậu cần trung đoàn đi kiểm tra các đơn vị về công tác bảo đảm hậu cần, cơ số đạn dược, thuốc men, lương thực, thực phẩm theo quy định của trên. Đơn vị nào còn thiếu được bổ sung ngay theo cơ số quy định. Bộ đội địa phương tỉnh Quảng Đà cũng tăng cường các tổ trình sát của du kích đảm nhiệm dẫn đường xuống tận từng tiểu đoàn để phối hợp cùng trình sát của các tiểu đoàn dẫn đường cho bộ đội tiếp cận vào vị trí xuất phát tiến công. Trước khi nổ súng tiến công căn cứ Thượng Đức, ý định của trung đoàn là sau khi giải phóng xong căn cứ Thượng Đức sẽ xốc lại lực lượng, nhanh chóng tổ chức bộ đội tiến công đồn Phú Phong, vùng B Đại Lộc. Do vậy, tôi là Tham mưu phó trung đoàn và một số các đồng chí cấp phó ở lại phía sau sẵn sàng nhận nhiệm vụ xuống thay thế các đồng chí cấp trưởng ở tuyến trước và khi có thời cơ thì chỉ huy bộ đội vượt sông Vu Gia sang vùng B Đại Lộc để đánh chiếm đồn Phú Phong thuộc vùng B Đại Lộc.

Đúng 5 giờ sáng ngày 29 tháng 7, những loạt pháo đầu tiên của ta thực hành hoả lực chuẩn bị đã trút bão lửa xuống căn cứ Thượng Đức. Những quả đạn tên lửa B-72, đạn ĐKZ 75 bắn thẳng đã phá hủy một số lô cốt, ụ súng của địch trước tiên duyên. Trước khi thực hành hoả lực chuẩn bị, bộ đội của ta đã liên kết các bộ FR để phá rào, nhưng các bộ phá rào không phát huy được

hiệu quả. Do vậy các đơn vị phải dùng bộc phá liên tục để phá rào mở cửa mở.

Sau khi hỏa lực chuẩn bị chuyển làn bắn chế áp vào trung tâm căn cứ Thượng Đức, Tiểu đoàn 7 đảm nhiệm tiến công trên hướng chủ yếu của trung đoàn dã nhanh chóng vượt qua cửa mở, đến 6 giờ 20 phút đánh chiếm được tiền đồn A. Cùng thời gian trên, Tiểu đoàn 9 đảm nhiệm hướng thứ yếu của trung đoàn cũng đánh chiếm được tiền đồn B. Ngay sau đó, bộ đội ta phát triển tiếp vào căn cứ Thượng Đức thì gặp các hàng rào, vật cản giữa các khu nên phải dừng lại. Hướng chủ yếu của Tiểu đoàn 7, bộ đội chiếm lĩnh trận địa xuất phát tiến công từ cánh đồng dưới chân căn cứ Thượng Đức, khi bộ đội xung phong bị hỏa lực địch từ khu đồn Ông Máy ở phía đông căn cứ Thượng Đức bắn vào đội hình, nên cũng không phát triển chiến đấu được. Hướng Tiểu đoàn 9, bộ đội dùng bộc phá ống lên phá rào mở cửa thì bị hỏa lực của địch ở tiền đồn C bắn vào đội hình nên không phát triển tiến công được. Sau một thời gian mở cửa không thành, bộ đội ta phải nằm ngoài hàng rào lợi dụng các mô đá và đào hố chiến đấu cá nhân để ẩn nấp. Pháo binh của ta tiếp tục bắn chế áp vào căn cứ Thượng Đức để chi viện cho bộ binh tiếp tục mở cửa mở, nhưng vẫn không thành công.

Thế trận giằng co giữa ta và địch diễn ra hết sức quyết liệt trước cửa mở trên từng hướng. Sang ngày 30 tháng 7, bộ đội ta mới mở thêm được từ 1 đến 2 hàng rào và phải chuyển sang chiến thuật lán dũi, tiến từng bước một. Qua hai ngày liên tục chiến đấu, một phần bộ

đội ta đã bị thương vong. Đêm 31 tháng 7, trung đoàn quyết định mở đợt tiến công thứ hai vào cứ điểm Thượng Đức. Khi bộ đội xung phong vẫn còn vướng những hàng rào bên trong ta chưa mở hết, nên chưa đánh được vào bên trong căn cứ. Trước tình hình trên, trung đoàn tiếp tục cho pháo, cối và các hoả khí chế áp vào trung tâm căn cứ để chi viện cho bộ binh phá nốt các hàng rào trong cùng. Lúc này, đồng chí Trung đoàn trưởng Nguyễn Văn Quý bị thương nặng không tiếp tục chỉ huy chiến đấu được. Sư đoàn quyết định cử đồng chí Lê Đắc Long - Tham mưu trưởng sư đoàn xuống thay làm Trung đoàn trưởng. Cùng thời gian trên, đồng chí Lê Thanh Tư - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 9 cũng bị thương nặng, trung đoàn quyết định cử tôi xuống làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 9 để chỉ huy đơn vị tiếp tục chiến đấu.

Sau hai đợt tiến công không thành công, Thường vụ Đảng ủy Sư đoàn 304 họp, kết luận rút ra những mạnh yếu, nguyên nhân thất bại của hai đợt tiến công, đồng thời đề ra chủ trương: kiên định quyết tâm, tiếp tục bám trụ, giữ vững thế trận, củng cố điều chỉnh lực lượng, chấn chỉnh đội hình và chỉ huy hiệp đồng, bổ sung đạn dược. Thường vụ Đảng ủy hạ quyết tâm kiên quyết tiến công dứt điểm vào ngày 5 tháng 8. Ngày 1 tháng 8, Tư lệnh Mặt trận quyết định tạm dừng đợt tiến công để củng cố bộ đội, chuẩn bị thật chu đáo về mọi mặt để đánh chắc thắng và dự kiến tiến công vào ngày 6 tháng 8.

Ngày 3 tháng 8, Trung đoàn 66 tổ chức Hội nghị quân chính, đồng chí Lê Công Phê - Sư đoàn trưởng xuống dự. Sau nhiều ý kiến bàn luận và chỉ đạo của Sư đoàn trưởng, trung đoàn quyết định chuyển từ cách đánh hiệp đồng binh chủng sang hình thức vây lấn dứt điểm trong thời gian ngắn.

Sau khi bổ sung quyết tâm chiến đấu, đêm 4 tháng 8, tại Sở chỉ huy sư đoàn, Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Sư đoàn tổ chức giao nhiệm vụ cho các đơn vị chiến đấu đợt 3. Sư đoàn 304 quyết định đưa Tiểu đoàn 8 thay Tiểu đoàn 7 đảm nhiệm tiến công trên hướng chủ yếu. Tiểu đoàn 7 đảm nhiệm làm lực lượng dự bị, đứng sau đội hình Tiểu đoàn 8. Tiểu đoàn 9 đảm nhiệm tiến công trên hướng thứ yếu, có nhiệm vụ vừa chiến đấu vừa thu hút hỏa lực địch để tạo điều kiện thuận lợi cho Tiểu đoàn 8 tiến công trên hướng chủ yếu. Tôi đề nghị xin Tiểu đoàn 9 cũng phải thực hành tiến công vào căn cứ Thượng Đức. Lúc này Tiểu đoàn 9 chỉ còn 2 đại đội bộ binh là 9 và 11, còn Đại đội 10 đảm nhiệm tiến công chốt giữ cầu Hà Tân chưa về được đội hình tiểu đoàn. Sư đoàn trưởng nói với tôi: Tiểu đoàn đồng chí còn 2 đại đội, không đủ sức tiến công vào trong trung tâm. Thấy vậy, tôi liền đề nghị cấp trên đưa Đại đội 10 về đội hình tiểu đoàn để chiến đấu. Bộ Tư lệnh Sư đoàn và Ban chỉ huy Trung đoàn đồng ý với đề nghị của tôi là đưa Đại đội 10 về đội hình Tiểu đoàn 9 để tiểu đoàn có đủ 3 đại đội bộ binh và 1 đại đội hỏa lực.

Trong hội nghị giao nhiệm vụ này, ý thức được tầm quan trọng của "cửa mở" trong chiến đấu tiến công trận

địa, nếu không mở được cửa thì có bắn hàng nghìn quả đạn pháo thì cũng không đưa được bộ đội vào bên trong và tổn thất của ta sẽ rất lớn, xương máu bộ đội sẽ đổ ra bên ngoài hàng rào, với quyết tâm của mình, tôi đã hứa với Thủ trưởng cấp trên: "Tôi xuống chỉ huy Tiểu đoàn 9, nếu Tiểu đoàn 9 không mở được cửa mở vào được trong Thượng Đức thì tôi không về". Tôi báo cáo quyết tâm là muốn Tiểu đoàn 9 mở cửa từ hướng thứ yếu vào trong trung tâm thì phải tiêu diệt được địch ở tiền đồn C, nếu không diệt được địch ở tiền đồn C sẽ không thể vào được trung tâm Thượng Đức. Để tiêu diệt địch ở tiền đồn C, tôi xin trung đoàn và sư đoàn cho lực lượng pháo binh bắn hỗ trợ 30 viên đạn pháo 85 ly bắn thẳng bố trí từ phía nam sông Vu Gia bắn ngắm trực tiếp để phá hủy và tiêu diệt các lô cốt ở tiền đồn C, tạo điều kiện cho một trung đội của Đại đội 9 lên đánh chiếm tiền đồn C. Phương án của tôi được cấp trên chấp nhận. Theo kế hoạch, ngày 5 tháng 8 các đơn vị hoàn thành công tác chuẩn bị. Ngày 6 tháng 8, các đơn vị sẵn sàng nổ súng.

Khi đợt 3 bắt đầu nổ súng, tôi đã chỉ huy ĐKZ 75 ly và pháo 85 ly bắn ngắm trực tiếp, mãnh liệt vào các lô cốt ở tiền đồn C. Sau 30 phút chiến đấu, lực lượng địch ở tiền đồn C bị tiêu diệt, lực lượng bộ binh của Đại đội 9 do Đại đội trưởng Trương Quang Siêu chỉ huy đã đánh chiếm được tiền đồn C. Trên hướng tiến công chủ yếu của Tiểu đoàn 9 từ tiền đồn B đánh sang trung tâm Thượng Đức, Trung đội 1 Đại đội 11 do Đại đội trưởng Hoàng Văn Nam chỉ huy đã thực hành mở cửa đánh



chiếm được lô cốt đầu cầu. Tiếp sau đó đã có bộ phận đánh được vào tuyến lô cốt thứ 2 của khu bảo an và bắt được 4 tên địch. Ngay lúc này, tôi giao nhiệm vụ cho đồng chí Tiểu đoàn phó Nguyễn Văn Du lên trực tiếp chỉ huy Đại đội 11 giữ vững đầu cầu, đồng thời tôi lệnh cho di chuyển vị trí chỉ huy của tiểu đoàn vào trong tiền đồn B. Khoảng từ 19 đến 20 giờ tối 6 tháng 8, tôi báo cáo về Sở chỉ huy trung đoàn và sư đoàn là Tiểu đoàn 9 đã mở thông cửa mở và Đại đội 11 đã đánh được vào khu bảo an và bắt được tù binh. Lúc này cán bộ tham mưu trung đoàn hỏi tôi: Sao nhanh thế, có đúng đã vào được bên trong không? Tôi trả lời: Tôi và đồng chí Nguyễn Văn Du - Tiểu đoàn phó đã ở trong lô cốt đầu cầu, đang chỉ huy bộ đội phát triển chiến đấu ở khu bảo an. Cơ quan trung đoàn thông báo: Hướng Tiểu đoàn 8 vẫn gặp khó khăn chưa vào được chi khu Thượng Đức. Tôi nói: Hướng chúng tôi phát triển chiến đấu thuận lợi, Đại đội 11 và Đại đội 10 đã vào đánh chiếm được một phần phía tây khu bảo an. Đồng chí Nguyễn Văn Du đang chỉ huy bộ đội Đại đội 11 phát triển chiến đấu vào trung tâm khu bảo an. Đồng chí Lê Đắc Long - Tham mưu trưởng sư đoàn xuống trực tiếp làm Trung đoàn trưởng đã lệnh cho tôi: Đánh đến đâu phải giữ chắc đến đó để trung đoàn sẽ tăng cường lực lượng và quyết định chuyển hướng tiến công của Tiểu đoàn 9 từ hướng thứ yếu thành hướng chủ yếu của trung đoàn.

Khoảng 22 giờ tối 6 tháng 8, đồng chí Lê Đắc Long và đồng chí Nguyễn Sơn Văn - Trung đoàn phó thông

báo cho tôi chuẩn bị đón lực lượng Tiểu đoàn 7 hành quân về hướng Tiểu đoàn 9 để tăng cường lực lượng cho Tiểu đoàn 9 phối hợp tiến công vào trung tâm quận lý Thượng Đức. Hơn 22 giờ đêm 6 tháng 8, Tiểu đoàn 7 về đến vị trí đơn vị chúng tôi đang chốt giữ. Lúc này tôi được Ban chỉ huy Trung đoàn giao nhiệm vụ chỉ huy cả Tiểu đoàn 7 và Tiểu đoàn 9 phát triển vào trung tâm tiêu diệt địch ở khu bảo an, sau đó phát triển sang trung tâm căn cứ Thượng Đức. Khi chúng tôi phát triển tiến công và đánh chiếm được gần hết trung tâm căn cứ Thượng Đức thì Tiểu đoàn 8 cũng mở được cửa đánh vào phía đông bắc căn cứ Thượng Đức. Khoảng 24 giờ đêm 6 tháng 8, các lực lượng bộ đội ta đã đánh chiếm được toàn bộ căn cứ Thượng Đức và khu bảo an. Đến 2 giờ sáng ngày 7 tháng 8, tôi chỉ huy Tiểu đoàn 9 phát triển tiến công xuống thôn Hà Tân truy quét địch và chiếm giữ thôn Hà Tân. Khoảng 8 giờ sáng ngày 7 tháng 8, máy bay địch và pháo binh tập trung oanh tạc và bắn phá mãnh liệt vào khu vực Thượng Đức. Do pháo phòng không của ta rất mạnh nên máy bay địch không ném bom được vào trung tâm căn cứ Thượng Đức mà chỉ thả bừa xuống phía tây căn cứ Thượng Đức và xuống sông Vu Gia.

Hơn 8 giờ sáng ngày 7 tháng 8, tôi nhận được lệnh của Ban chỉ huy Trung đoàn: Để lại một bộ phận nhỏ chốt giữ căn cứ Thượng Đức, còn lại bộ đội làm công tác thương binh, tử sĩ và rút xuống thôn Hà Tân. Tôi vừa triển khai đội hình xong theo đúng yêu cầu của cấp trên thì từ trung tâm căn cứ Thượng Đức phát ra một tiếng nổ rất lớn làm rung chuyển cả một vùng, cột khói bốc

cao hàng trăm mét. Sau này tôi được biết, đây là quả bom tự hủy của địch để dưới hầm ngầm với ý định khi thất thủ chạy khỏi căn cứ sẽ cho quả bom đó nổ để tiêu diệt lực lượng bộ đội ta, may mắn là sau khi đánh chiếm xong căn cứ Thượng Đức, theo lệnh cấp trên chúng tôi đã cho bộ đội ta kịp triển khai ra xung quanh căn cứ nên không bị thiệt hại gì.

Khoảng 9 giờ sáng ngày 7 tháng 8, toàn bộ quận lỵ Thượng Đức hoàn toàn được giải phóng. Lúc này bộ đội ta triển khai xây dựng các công sự trận địa để chốt giữ căn cứ Thượng Đức và trong làng Hà Tân để đề phòng lực lượng địch từ Đà Nẵng lên phản kích đánh chiếm lại căn cứ Thượng Đức. Sau khi bố trí cho các đơn vị vào vị trí xây dựng trận địa xong, tôi được gọi về Ban chỉ huy Trung đoàn báo cáo tình hình chiến đấu trên hướng Tiểu đoàn 9.

Trận đánh tiêu diệt căn cứ Thượng Đức đã kết thúc thắng lợi chiến dịch Nông Sơn - Thượng Đức. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn một vạn tên địch, tiêu diệt 4 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 9 tiểu đoàn, thu 2.106 súng các loại, 24 xe quân sự và nhiều đạn dược, trang bị quân sự của địch.

Chiến thắng Nông Sơn - Thượng Đức đã chứng minh thực tế trên chiến trường sức mạnh chiến đấu của bộ đội chủ lực cơ động ta đã hơn hẳn quân chủ lực cơ động của địch.

Sau chiến dịch, với những đóng góp của mình, tôi được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất.

Sau khi mất Thượng Đức, trung tuần tháng 8 năm 1974, Nguyễn Văn Thiệu trực tiếp từ Sài Gòn bay ra Đà Nẵng lệnh cho tướng Ngô Quang Trưởng - tư lệnh quân khu 1 bằng mọi giá phải tái chiếm lại Thượng Đức. Ngay sau đó, địch bắt đầu tung các lữ đoàn dù là lực lượng tổng dự bị số một của quân đội ngụy bắt đầu tổ chức phản kích tái chiếm Thượng Đức bằng cách đánh chiếm các điểm cao phía đông bắc của Thượng Đức như núi Sơn Gà, điểm cao 1062, bình độ 700, bình độ 300. Địch dùng máy bay và pháo binh đánh phá ác liệt các điểm cao trên. Ở vùng B Đại Lộc, địch dùng lực lượng địa phương quân đánh chiếm các điểm cao dọc theo sông Vu Gia: đồi Chóp Nón, đồi Cánh Bướm và một số điểm cao khác. Thời gian này địch dùng máy bay và pháo binh đánh phá rất ác liệt, chi viện tối đa cho lực lượng lính dù và lực lượng địa phương quân đánh sâu vào vùng giải phóng của ta.

Để chốt giữ phía bắc điểm cao 1062 và bình độ 700, bình độ 300, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 3 Sư đoàn 324 chốt giữ từ điểm cao 1062 đến bình độ 700, bình độ 300, núi Hà Sóng nằm sát đường số 14, các thôn Hà Nha, Bàn Tân 1, Bàn Tân 2. Ở phía nam sông Vu Gia, Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 66 có nhiệm vụ chốt giữ núi Chóp Nón, dãy núi Hữu Trinh, dãy Tràng Chối và một số điểm cao quan trọng khác. Tiểu đoàn 7 và Tiểu đoàn 9 ở phía sau làm nhiệm vụ vận tải đạn dược và củng cố lực lượng. Thời gian này tôi được bổ nhiệm làm Trung đoàn phó Trung đoàn 66. Ban chỉ huy Trung đoàn phân công tôi và đồng

chí Bùi Sáu - Phó Chính ủy và một số trợ lý tham mưu, chính trị, hậu cần chỉ huy Tiểu đoàn 8 chốt giữ các điểm cao ở phía nam sông Vu Gia.

Cuối tháng 8 năm 1974, địch bắt đầu tổ chức tiến công vào các điểm cao đồi Cánh Bướm nằm sát sông Vu Gia. Ở đây bộ đội Tiểu đoàn 8 đã xây dựng công sự trận địa kiên cố để chốt giữ, đẩy lùi nhiều đợt tiến công của địch. Sau nhiều ngày tiến công, địch vẫn không chiếm được nên chúng phải lui ra dùng máy bay và pháo binh đánh phá vào các trận địa của ta. Sau mỗi lần dùng hỏa lực đánh phá, chúng lại tổ chức tiến công bằng bộ binh. Cứ như thế, địch lặp đi lặp lại nhiều ngày vẫn không chiếm được những điểm cao ta đang chốt giữ.

Cùng thời gian trên ở hướng bắc, lính dù ngụy đã chiếm được điểm cao dãy núi Sơn Gà, bình độ 700 và một phần điểm cao 1062. Quân đoàn giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 304 dùng Trung đoàn 24 tổ chức đánh chiếm lại các điểm cao địch đã chiếm và giữ điểm cao 1062. Trung đoàn 3 Sư đoàn 324 tập trung chốt giữ dãy núi Hà Sóng, thôn Hà Nha, thôn Bàn Tân 1, Bàn Tân 2 dọc theo đường số 14, không cho địch theo đường số 14 tiến công lên. Lực lượng Trung đoàn 24 chốt giữ điểm cao 1062 bị địch tập kích chiếm được mỏm A. Lệnh của Sư đoàn 304 là phải tập kích lấy lại. Thời gian này là mùa mưa nên bộ đội ta hoạt động gặp nhiều khó khăn. Sau nhiều ngày giành đi giật lại ta vẫn không lấy lại được điểm cao 1062. Cuối tháng 9 đầu tháng 10 năm 1974, Trung đoàn 24 được lệnh rút quân về phía sau củng cố lực lượng để sẵn sàng nhận nhiệm vụ của

cấp trên. Sư đoàn 304 giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 66 đưa lực lượng Tiểu đoàn 7 lên chiếm giữ các mỏm còn lại của điểm cao 1062 và chốt giữ các điểm cao phía bắc 1062 không cho địch tái chiếm. Để tăng cường hỏa lực chốt giữ các mỏm còn lại của điểm cao 1062, Sư đoàn 304 cho tháo rời 2 khẩu pháo bắn thẳng 85 ly thành từng bộ phận nhẹ để khiêng lên điểm cao 1001. Để khiêng pháo lên cao, các lực lượng công binh và pháo binh phải làm đường để vận chuyển. Sau khi khiêng lên đến nơi, bộ đội tập trung lắp ráp lại thành khẩu pháo hoàn chỉnh và xây dựng công sự, trận địa vững chắc. Pháo được bố trí trong hầm, hàng ngày ta dùng pháo bắn thẳng vào mỏm A điểm cao 1062 để chế áp địch. Ngoài ra, ta còn đưa 2 khẩu pháo phòng không 37 ly 2 nòng lên bình độ 200 phía nam điểm cao 1062 để bắn thẳng vào bình độ 700 tiêu diệt lực lượng địch tại đó.

Lực lượng địch ở điểm cao 1062 đã bị ta hình thành thế bao vây ngăn chặn. Trực tiếp tiếp xúc là Tiểu đoàn 7, phía bắc là Tiểu đoàn 8, phía đông bắc là Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 66, phía nam là Trung đoàn 3 Sư đoàn 324. Ngày 28 tháng 10, Trung đoàn 66 và Trung đoàn 24 đã phối hợp tổ chức trận phản kích đánh chiếm lại toàn bộ điểm cao 1062, loại khỏi vòng chiến đấu tiểu đoàn 3 sư đoàn dù nguy. Cay cú trước thất bại ở điểm cao 1062, đầu tháng 11 địch điều tiếp lữ đoàn dù số 2 vào phản kích tái chiếm lại được mỏm A của điểm cao 1062.

Với quyết tâm giữ vững trận địa của các đơn vị bộ binh, được sự chi viện đặc lực của các loại hỏa lực pháo binh, sau nhiều ngày giành đi giật lại, địch vẫn không

chiếm được thêm điểm cao nào. Sau khi Trung đoàn 24 củng cố lực lượng xong nhận nhiệm vụ sang phía nam sông Vu Gia và căn cứ Thượng Đức đảm nhiệm chốt giữ không cho địch đánh chiếm các cao điểm phía nam sông Vu Gia và căn cứ Thượng Đức. Toàn bộ lực lượng Trung đoàn 66 rút về phía bắc sông để cùng Trung đoàn 3 Sư đoàn 324 đánh địch ở điểm cao 1062 và bình độ 700 và núi Sơn Gà. Lúc này tôi được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy Tiểu đoàn 9 chốt giữ các điểm cao phía bắc và đông bắc điểm cao 1062 nhằm mục đích ngăn chặn không cho địch vòng qua điểm cao 1062 đánh vào căn cứ Thượng Đức.

Trung đoàn 24 vẫn giữ vững các trận địa ở phía nam sông Vu Gia, suốt cả tháng 10 năm 1974, cả hai cánh quân lính dù ở phía bắc và địa phương quân ở phía nam sông Vu Gia đều không chiếm được thêm tấc đất nào. Ta và địch đã phòng ngự thành tuyến, thỉnh thoảng ta lại tổ chức những lực lượng nhỏ, đánh sâu trong lòng địch không cho địch tổ chức tiến công lấn chiếm. Địch không thực hiện được ý đồ tái chiếm Thượng Đức.

Cuối tháng 10 năm 1974, Trung đoàn 3 Sư đoàn 324 trở về đội hình của sư đoàn, toàn bộ tuyến từ phía bắc 1062 đến phía nam sông Vu Gia, dãy Hữu Chinh, Tràng Chối bàn giao lại cho Sư đoàn 304 đảm nhiệm.

Đầu tháng 11 năm 1974, quân dù ngụy không hoàn thành nhiệm vụ chiếm điểm cao 1062, địch thay lính dù bằng lính thủy quân lục chiến. Sư đoàn 304 đã tổ chức nhiều lần tập kích mồm A điểm cao 1062 nhưng không thắng lợi. Đến cuối tháng 11, các chiến trường phía nam

hoạt động mạnh, địch rút lực lượng mạnh là sư đoàn dù về bảo vệ phía nam khu vực điểm cao 1062, còn ở vùng B Đại Lộc chủ yếu là địa phương quân và thủy quân lục chiến.

Cuối tháng 11, ta tổ chức tập kích giành lại được toàn bộ điểm cao 1062, lực lượng thủy quân lục chiến nguy phải lui về giữ dãy núi Sơn Gà, bình độ 700, Ái Nghĩa, Núi Đất. Ở vùng B Đại Lộc địch cũng lui sâu về phía đồng bằng. Trung đoàn 24 Sư đoàn 304 cũng bao vây áp sát địch ở đồn Phú Phong và phía nam vùng B Đại Lộc, mở ra vùng giải phóng rộng lớn. Sư đoàn 304 có điều kiện vừa chốt giữ các điểm cao không cho địch lấn chiếm vừa tổ chức huấn luyện, xây dựng lực lượng sẵn sàng đảm nhiệm các nhiệm vụ cấp trên giao cho.

Sang tháng 12 năm 1974, địch hầu như không tổ chức được các cuộc tiến công lấn chiếm vào vùng giải phóng của ta. Ta tổ chức nhiều đợt hoạt động sâu trong vùng địch, đánh tiêu diệt và phá hủy các trận địa pháo ở núi Đất, cầu Chìm. Đặc biệt, trận chiến đấu của Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 66 đánh tập kích vào lực lượng địch ở bình độ 300, sườn nam của bình độ 700 tiêu diệt được gần một đại đội địch, làm cho địch hoang mang và không dám nống ra vùng giải phóng.

Thời gian này, trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, Quân đoàn 4 (thành lập ngày 20 tháng 7 năm 1974) mở chiến dịch Đường 14 - Phước Long, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long. Chiến thắng Đường 14 - Phước Long là một thực tế chứng minh, quân đội ta có khả



năng mở chiến dịch cấp quân đoàn, đánh chiếm các chi khu, tiểu khu quân sự của địch, giải phóng thị xã, thành phố. Thắng lợi của chiến dịch Nông Sơn - Thượng Đức và thắng lợi của chiến dịch Đường 14 - Phước Long đã củng cố vững chắc quyết tâm chiến lược đã được Bộ Chính trị xác định và cho thấy khả năng đối phó của Mỹ khi ta mở cuộc tiến công lớn.

Từ ngày 18 tháng 12 năm 1974 đến ngày 8 tháng 1 năm 1975, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp mở rộng, bổ sung và hoàn chỉnh quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam: Chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược lớn. Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Ngoài chiến lược cơ bản hai năm 1975-1976, cần chuẩn bị một phương án khác, một phương hướng cực kỳ quan trọng là: nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Những tháng đầu năm 1975, Trung đoàn 66 tiếp tục đảm nhiệm chốt giữ điểm cao 1062, bình độ 700, bình độ 300, Hà Sống, dọc theo đường số 14 đến thôn Bàn Tân 1, Bàn Tân 2, Hà Nha 1, Hà Nha 2 và một số điểm cao ở phía tây bắc xã Đại Đồng huyện Đại Lộc. Tiểu đoàn 8 chốt giữ ở thôn Hà Nha 1, Hà Nha 2 trực tiếp tiếp xúc với địch.

Trên Mặt trận Quảng Đà, ngay từ những ngày đầu năm 1975, lực lượng dù và thủy quân lục chiến địch đã rút hẳn vào các chiến trường phía trong. Lực lượng địch ở chiến trường Quảng Đà là lực lượng chủ lực quân đoàn 1 ngụy. Về phía ta, có Sư đoàn 304 (thiếu Trung đoàn 9 đang hoạt động ở chiến trường Quảng Trị). Trung đoàn 24 và Trung đoàn 66 để lại một bộ phận chốt giữ các điểm cao giáp ranh giữa ta và địch, còn lại đại bộ phận tập trung vào huấn luyện và củng cố xây dựng lực lượng. Lúc này các đơn vị đều được bổ sung quân số theo biên chế.

Ngày 10 tháng 2, tôi được giao nhiệm vụ quay xuống phía nam sông Vu Gia về vùng B Đại Lộc chỉ huy Tiểu đoàn 9 đang chốt giữ các cao điểm. Chúng tôi tổ chức một trận tập kích tiêu diệt được khoảng 1 đại đội địch ở đồi Cánh Bướm, cách căn cứ Phú Phong khoảng 1 cây số. Mấy ngày sau địch vẫn không dám nống ra tái chiếm mà chỉ cố thủ trong đồn Phú Phong. Chúng tôi đưa lực lượng chốt giữ đồi Cánh Bướm sát đồn Phú Phong và giữ vững vùng B Đại Lộc.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị và kế hoạch tác chiến chiến lược của Quân ủy Trung ương, ngày 4 tháng 3 năm 1975, quân và dân Tây Nguyên đồng loạt nổ súng tiến công địch, mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Lực lượng ta tiến công cắt đường số 19 và đường số 21 từ Tây Nguyên nối với đồng bằng Khu 5. Tiến công nghi binh quy mô vừa và nhỏ ở Plei Ku và Kon Tum. Tiếp đó, ngày 8 tháng 3 quân ta đánh chiếm Thuận Mãn, cắt đường số 14 giữa Plei Ku

và Buôn Ma Thuột. Ngày 9 tháng 3, ta đánh chiếm Đúc Lập - Núi Lửa, cô lập hoàn toàn Buôn Ma Thuột.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, ta tập trung lực lượng binh chủng hợp thành lớn tiến công quân địch ở thị xã Buôn Ma Thuột, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây, đập vỡ một mảng lớn hệ thống phòng thủ của địch trên chiến trường Tây Nguyên.

Mất Buôn Ma Thuột, địch vội vã điều 2 trung đoàn còn lại của sư đoàn 23 và liên đoàn 21 biệt động quân để phản kích, hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột. Sau 5 ngày liên tục tiến công, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn lực lượng phản kích này của địch, rồi phát triển xuống Khánh Dương và Ninh Hòa.

Ngày 16 tháng 3, bộ đội ta tổ chức chặn đánh và truy kích địch rút chạy theo đường số 7. Đồng thời, một đơn vị bộ đội địa phương thị xã Tuy Hòa tỉnh Phú Yên đã được lệnh chặn đầu đội hình rút chạy của địch tại Củng Sơn. Đến ngày 24 tháng 3, toàn bộ quân địch rút chạy bị tiêu diệt. Chiến dịch Tây Nguyên tiếp tục phát triển xuống các tỉnh duyên hải miền Nam Trung Bộ. Lực lượng quân đoàn 2 ngự trấn giữ trên vùng cao nguyên hoàn toàn bị tiêu diệt. Toàn bộ địa bàn chiến lược Tây Nguyên rộng lớn đã được giải phóng.

Ngày 17 tháng 3, trong khi chiến dịch Tây Nguyên đang phát triển, Quân ủy Trung ương đã chuẩn bị một phương hướng hành động mới nhằm triệt để phát huy thời cơ thuận lợi đã giành được. Ngày 18 tháng 3, Bộ Chính trị hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch hai năm

trong năm 1975. Bộ Chính trị xác định phương hướng tiến công chiến lược chủ yếu là Sài Gòn, nhưng trước mắt cần tiêu diệt ngay quân khu 1 nguy ở Huế và Đà Nẵng.

Ngày 25 tháng 3, Bộ Chính trị nhận định rằng: "Thời cơ chiến lược lớn đã tới. Trong suốt 20 năm chống Mỹ, cứu nước, chưa bao giờ thuận lợi bằng lúc này", do đó cần "nắm vững thời cơ chiến lược mới, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng và phương hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không dự kiến kịp và không kịp trở tay, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam càng sớm càng tốt".

Phương hướng chiến lược chủ yếu là tập trung lực lượng của cả nước giải phóng Sài Gòn - Gia Định, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam. Muốn hoàn thành nhiệm vụ cơ bản đó, nhiệm vụ chiến lược trước mắt là tiến hành một trận quyết chiến chiến lược đánh chiếm Huế - Đà Nẵng, tiêu diệt quân đoàn 1 nguy không cho chúng co về Sài Gòn. Nhanh chóng giải phóng các tỉnh miền Trung và Nam Trung Bộ. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tổ chức khối chủ lực Tây Nguyên thành lập Quân đoàn 3 thành binh đoàn cơ động chiến lược của Bộ. Bộ Chính trị cũng quyết định thành lập Hội đồng chỉ viện chiến trường do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch.

Chiến dịch Trị Thiên - Huế và Chiến dịch Đà Nẵng hoạt động trọng tâm của ta tiếp sau chiến thắng Tây Nguyên.

Quân ủy Trung ương dự kiến hai khả năng và hai phương án tiến công Đà Nẵng. Một là, địch co lại và phòng thủ Đà Nẵng có tổ chức và tương đối vững chắc thì ta sử dụng Quân đoàn 2 và nhanh chóng đưa Quân đoàn 1 vào cùng lực lượng Quân khu 5 tổ chức một trận hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, đánh chiếm Đà Nẵng. Hai là, địch tan vỡ, bị tiêu diệt nặng và Đà Nẵng bị cô lập thì nắm thời cơ, nhanh chóng phát triển tiến công, đánh chiếm Đà Nẵng với lực lượng tại chỗ là chính. Tình hình diễn biến hết sức nhanh chóng theo khả năng thứ hai.

Trên hướng bắc, ngày 17 tháng 3, Bộ Tổng Tư lệnh đã chỉ thị cho Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2 đánh sớm hơn dự kiến vì địch ở đây đang dao động mạnh. Hoạt động mạnh của bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương Trị - Thiên, cộng với thắng lợi của ta ở Tây Nguyên đã khiến quân địch ở Quảng Trị hoang mang rút chạy vào ngày 18 tháng 3 làm vỡ mảng phòng ngự phía bắc của chúng, gây tình trạng hoang mang rối loạn rất lớn ở khu vực Thừa Thiên - Huế.

Khi chiến dịch Tây Nguyên đã mở màn, ở phía bắc lực lượng chủ lực của Quân đoàn 2 bắt đầu đánh địch ở Thừa Thiên - Huế. Tại Mặt trận Quảng Đà, để chi viện cho các chiến trường, Sư đoàn 304 hoạt động ghìm chân địch, không cho địch rút khỏi các khu vực phía tây thành phố Đà Nẵng. Lúc này địch đang bị động, lúng túng, ta ở thế chủ động tiến công. Trung đoàn 66 và Trung đoàn 24 tổ chức các trận tập kích, đánh vào vị trí nào thì địch phải rút chạy khỏi vị trí đó. Do vậy ta đã cải thiện được thế trận tiến công rất

lớn và càng có điều kiện để củng cố xây dựng lực lượng ta ngày càng vững mạnh.

Từ đầu tháng 3 năm 1975, Tiểu đoàn 9 được lệnh giao lại toàn bộ trận địa phía nam sông Vu Gia cho Trung đoàn 24. Tiểu đoàn 9 rút về phía bắc sông Vu Gia để củng cố lực lượng và tổ chức huấn luyện. Những ngày đầu tháng 3 năm 1975, địch chủ yếu ở từ núi Đất - Ái Nghĩa về đến Hiếu Đức, Cầu Chìm, bộ đội ta từng bước áp sát đồng bằng huyện Đại Lộc. Tiểu đoàn 8 chốt giữ thôn Bàn Tân 1, Bàn Tân 2, Hà Nha 1, Hà Nha 2 thuộc xã Đại Đồng chỉ cách địch một cánh đồng khoảng 300-500 mét. Hai bên chỉ dùng hỏa lực bắn vào trận địa của nhau là chính.

Ngày 20 tháng 3, tôi được giao nhiệm vụ xuống Tiểu đoàn 8 để cùng Ban chỉ huy Tiểu đoàn bàn cách tổ chức một trận tập kích vào cụm địch đóng đối diện, cách thôn Bàn Tân khoảng 500 mét. Chúng tôi tổ chức trinh sát nắm tình hình địch, hạ quyết tâm chiến đấu. Tiểu đoàn 8 quyết tâm sử dụng Đại đội 5 và Đại đội 6 thực hành tập kích vào quân địch co cụm, Đại đội 7 vẫn tiếp tục chốt giữ các trận địa đảm nhiệm. Đêm 24 rạng sáng ngày 25 tháng 3, chúng tôi sẽ nổ súng tiến công. Sau đó, chúng tôi giao nhiệm vụ cụ thể cho từng trung đội của các đại đội.

Rạng sáng ngày 24 tháng 3, bất ngờ địch dùng pháo binh bắn chế áp rất mãnh liệt vào các trận địa chốt của Tiểu đoàn 8 và các điểm cao ở phía sau. Máy bay địch đánh phá rất ác liệt vào phía sau trận địa phòng ngự của Tiểu đoàn 8. Khoảng 7 giờ sáng, khi đang quan sát

ở trận địa phía trước, chúng tôi phán đoán địch dùng hỏa lực đánh mạnh như vậy thì tiếp sau sẽ cho bộ binh tập kích vào trận địa của ta. Sau khi hội ý, tôi cùng đồng chí Tiểu đoàn trưởng Lê Thanh Tư, đồng chí Hoàng Trọng Tình - Chính trị viên tiểu đoàn triệu tập các đồng chí chỉ huy Đại đội 5 và Đại đội 6 để giao nhiệm vụ sẵn sàng đánh địch tiến công vào trận địa của ta. Đúng lúc đó đài quan sát của Tiểu đoàn 8 báo cáo về có một người phụ nữ một tay dắt một em bé khoảng 10 tuổi, một tay bế một em bé đang chạy về phía trận địa của chúng tôi. Được tin, tôi ra lệnh không được nổ súng bắn vào họ. Thật lạ, phía trước trận địa của chúng tôi là những bãi mìn được bố trí dày đặc khi đơn vị tổ chức phòng ngự nhưng người phụ nữ này hầu như không vấp phải quả mìn nào. Chị ta chạy đến công sự phòng ngự của Đại đội 5 và nói: các ông Quân giải phóng ơi, lính quốc gia đang bỏ chạy về phía Đà Nẵng rồi! Lúc này pháo của địch vẫn bắn rất mạnh vào trận địa của chúng tôi. Chúng tôi quan sát thấy có xe cơ giới đang rút chạy theo đường số 14 về phía Ái Nghĩa. Tôi liền lấy điện thoại điện về Sở chỉ huy cơ bản của trung đoàn báo cáo với Trung đoàn trưởng Nguyễn Sơn Văn là lực lượng địch phía trước mặt chúng tôi đã rút chạy. Một lát sau, đồng chí Nguyễn Ân - Sư đoàn trưởng gọi điện trực tiếp cho tôi hỏi: Có đúng địch đã rút chạy không? Cậu quan sát thấy thế nào? Tôi báo cáo lại: Lực lượng địch phòng ngự phía trước mặt chúng tôi đã rút khỏi trận địa phòng ngự, có tiếng xe cơ giới chạy về phía Ái Nghĩa và đã có người dân ở thôn Một xã Đại Đồng chạy vào trận địa

của chúng tôi báo như vậy. Chúng tôi đã cử trinh sát sang kiểm tra thì thấy địch đã rút chạy. Lúc này đồng chí Sư đoàn trưởng và đồng chí Trung đoàn trưởng Sơn Văn ra lệnh cho tôi: Chỉ huy Tiểu đoàn 8 nhanh chóng rời khỏi trận địa để truy kích địch. Sau khi nhận lệnh, chúng tôi tổ chức cho Tiểu đoàn 8 xuất kích truy kích địch theo dọc đường số 14. Đến cuối xã Đại Đồng giáp thị trấn Ái Nghĩa, chúng tôi gặp địch và biết địch tổ chức rút quân theo kiểu sâu đo, bộ phận này chốt chặn thì bộ phận kia rút, cứ như thế lần lượt từng bộ phận một. Thấy vậy, chúng tôi liền triển khai lực lượng đi đầu của Tiểu đoàn 8 là Đại đội 5 chiến đấu tiêu diệt địch còn lại ở xã Đại Đồng. Sau hơn một giờ đồng hồ chiến đấu quyết liệt, quân địch tháo chạy.

Đến chiều tối 25 tháng 3, bộ đội Tiểu đoàn 8 đã áp sát thị trấn Ái Nghĩa, nhưng bọn địch phòng ngự ở đây rất mạnh, chúng dùng các loại hỏa lực bắn trả quyết liệt để ngăn chặn ta từ xa. Tiểu đoàn 8 không phát triển chiến đấu được, buộc phải dừng lại ở khu vực cuối xã Đại Đồng và giáp thị trấn Ái Nghĩa.

Tối hôm đó, qua Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam chúng tôi vô cùng phấn khởi được tin thành phố Huế đã được hoàn toàn giải phóng. Với niềm vui lớn và đầy tự hào, tôi cùng các đồng chí cán bộ Tiểu đoàn 8 tiếp tục làm công tác chuẩn bị chiến đấu cho ngày tiếp theo và kiểm tra, động viên bộ đội.

Cả ngày 26 tháng 3 chúng tôi không phát triển chiến đấu được vì địch đánh trả rất quyết liệt. Đêm 27 tháng 3,



chúng tôi đưa lực lượng đi trinh sát nắm địch. Lúc này toàn bộ Trung đoàn 66 đã dồn lên theo sau hướng của chúng tôi và hình thành hai hướng tiến công. Hướng tiến công chủ yếu dọc theo đường số 14. Hướng thứ yếu tiến công theo sườn núi Sơn Gà, bình độ 700 phía bắc thị trấn Ái Nghĩa. Đồng chí Trung đoàn trưởng Nguyễn Sơn Văn, Chính ủy Lê Xuân Lộc cùng Sở chỉ huy cơ bản của trung đoàn cũng cơ động theo sau để trực tiếp chỉ huy Tiểu đoàn 8 và Tiểu đoàn 9.

Lúc này tôi đang chỉ huy Tiểu đoàn 8 ở phía trước. Khoảng 8 giờ tối 27 tháng 3, đồng chí Nguyễn Sơn Văn - Trung đoàn trưởng và đồng chí Nguyễn Ân - Sư đoàn trưởng đến vị trí chỉ huy của Tiểu đoàn 8 gặp chúng tôi giao nhiệm vụ tổ chức lực lượng trinh sát nắm địch trong thị trấn Ái Nghĩa và trận địa pháo ở Hà Châu. Khi tổ trinh sát lên nắm địch ở ngã ba đường số 14, một đường đi về Đà Nẵng, một đường đi về Hội An, thì tổ đi đầu gặp địch nổ súng, ta bị hy sinh hai đồng chí. Lúc này chúng tôi dùng súng cối 82 ly bắn chế áp vào trận địa pháo ở Hà Châu và lực lượng địch ở ngã ba thị trấn Ái Nghĩa. Đồng chí Nguyễn Ân giao nhiệm vụ tiếp cho chúng tôi là nắm tiếp địch, không cho chúng rút chạy tiếp về phía Đà Nẵng. Nhưng do đêm tối và chưa nắm chắc địch nên Tiểu đoàn 8 vẫn chưa tổ chức tiến công được.

Đến rạng sáng ngày 28 tháng 3, chúng tôi tổ chức lực lượng Đại đội 6, Đại đội 7 tổ chức đánh chiếm ngã ba thị trấn Ái Nghĩa, một mũi đánh vào trận địa pháo ở Hà Châu. Sau khi chúng tôi nổ súng được khoảng một giờ thì

địch rút chạy. Chúng tôi tiếp tục truy kích theo trục đường số 14 về Hiếu Đức. Lúc này đội hình địch chạy phía trước cách chúng tôi khoảng 500 mét. Quân địch vừa chạy vừa bắn ngăn chặn. Chúng tôi truy kích phía sau đã cố gắng tăng tốc độ nhưng cũng không rút ngắn được khoảng cách là bao. Có lẽ do bộ đội phải phòng ngự nhiều ngày và mang vác nặng nên sức vận động bị hạn chế. Trong ngày 28 tháng 3, pháo lớn của ta từ đèo Mũi Trâu, đèo Hải Vân và phía nam Đà Nẵng bắn phá vào sân bay, quân cảng và trạm ra-đa ở bán đảo Sơn Trà, quân địch ở Đà Nẵng càng hỗn loạn.

Khoảng 10 giờ ngày 28 tháng 3, chúng tôi truy kích địch đến ngã ba quận lý Hiếu Đức. Tại đây địch phòng ngự rất mạnh, chống trả quyết liệt. Địa hình ở đây chỉ có trục đường số 14 dọc đạo, còn hai bên là cánh đồng lúa trồng trái, địch lợi dụng bìa làng của thôn Hòa Phong 1, Hòa Phong 2 để phòng ngự từ xa cách quận lý Hiếu Đức về khoảng 1 cây số và dùng hỏa lực bắn quyết liệt về phía chúng tôi. Tiểu đoàn 8 buộc phải dừng lại triển khai đội hình chiến đấu, đến 1 giờ chiều ngày 28 tháng 3, thì triển khai xong đội hình. Để nhanh chóng đánh chiếm quận lý Hiếu Đức, Ban chỉ huy Trung đoàn quyết định tiến công thành hai hướng. Tiểu đoàn 8 do tôi chỉ huy đánh dọc theo đường số 14 và phía nam đường số 14 vào các thôn Hòa Phong 1, Hòa Phong 2. Tiểu đoàn 9 đánh địch phía tây bắc đường số 14, tiến thẳng vào quận lý Hiếu Đức.

Trước khi bộ đội xung phong, hỏa lực pháo binh của trung đoàn và sư đoàn bắn chế áp vào các mục tiêu 15

phút. Lợi dụng trong khi pháo binh ta bắn chế áp địch, bộ đội Tiểu đoàn 8 nhanh chóng vận động vượt qua cánh đồng lúa trồng trái và áp sát vào bìa làng Hòa Phong 1, Hòa Phong 2. Sau khi pháo binh chuyển làn, bộ đội ta đã đồng loạt xung phong. Trận chiến đấu kéo dài đến khoảng 3 giờ chiều ngày 28 tháng 3 thì địch rút chạy khỏi ngã ba và quận lỵ Hiếu Đức. Chúng tôi vượt qua Hiếu Đức khoảng 1 cây số thì lực lượng đi đầu gặp sông Túy Loan chặn ngang. Quân địch ở bên kia bờ sông Túy Loan hầu hết là tàn quân từ Ái Nghĩa và Hiếu Đức chạy về và bọn bảo an đang chốt ở cầu Túy Loan đang tiến thoái lưỡng nan vì Đà Nẵng cũng đang bị ta pháo kích nên buộc phải liều chết chống trả. Phía sau làng Túy Loan là căn cứ Hoà Cầm - từng là trung tâm huấn luyện của quân khu 1 ngụy nên được phòng ngự rất mạnh. Do vậy, ngay lúc này chúng tôi không thể vượt qua sông để đánh sang. Toàn bộ đội hình Tiểu đoàn 8, Tiểu đoàn 9 đều phải dừng lại.

Đêm 28 rạng ngày 29 tháng 3, toàn bộ đội hình Trung đoàn 66 triển khai chiến đấu ở phía tây sông Túy Loan. Sáng ngày 29 tháng 3, sư đoàn và trung đoàn tiếp tục dùng pháo binh bắn chế áp mãnh liệt vào lực lượng địch phòng ngự ở phía đông sông Túy Loan, và căn cứ Hoà Cầm. Đến 7 giờ sáng, chúng tôi vẫn chưa vượt qua được sông Túy Loan. Khoảng 8 giờ chúng tôi thấy địch phòng ngự bắn trả yếu ớt. Tiểu đoàn 8 đưa một trung đội vượt qua cầu Túy Loan, đánh chiếm và tiêu diệt địch ở bên kia cầu, địch bỏ chạy. Ngay sau đó toàn bộ Trung đoàn 66 vượt qua sông Túy Loan tiến vào căn cứ Hoà Cầm.

Phía tây căn cứ Hòa Cầm địch đã bỏ chạy nhưng lực lượng địch ở phía đông căn cứ Hòa Cầm vẫn còn. Chúng tôi lại tiếp tục triển khai đội hình chiến đấu. Khoảng 9 giờ sáng ngày 29 tháng 3, toàn bộ lực lượng địch ở căn cứ Hòa Cầm tháo chạy về phía Đà Nẵng.

Ngay sau khi quân địch rút chạy khỏi Hoà Cầm, nhân dân hai bên đường số 14 đổ ra đường vẫy chào Quân giải phóng. Trên mặt đường, khi tháo chạy quân địch vứt ngổn ngang các vũ khí, trang bị. Chúng tôi nhanh chóng cho bộ đội phát triển chiến đấu về phía sân bay Đà Nẵng. Được nhân dân giúp đỡ, chúng tôi dùng một số xe lam, xe vận tải nhỏ chở bộ đội truy kích địch. Khoảng 10 giờ sáng 29 tháng 3, chúng tôi vào được cổng phía tây sân bay Đà Nẵng và phát triển chiếm giữ toàn bộ sân bay Đà Nẵng. Cùng thời gian này, Trung đoàn 9 đánh từ hướng tây bắc về Đà Nẵng. Trung đoàn 24 đánh từ Cầu Chìm theo đường số 1 ra phía nam sân bay Đà Nẵng. Sư đoàn 2 Quân khu 5 đánh từ Hội An lên sân bay Nước Mặn giải phóng bán đảo Sơn Trà.

Đứng trên tháp chỉ huy sân bay, tôi quan sát về phía thành phố Đà Nẵng, nhà cửa san sát, nhà cao tầng xen lẫn các nhà lợp tôn trắng chen lẫn nhau. Xa hơn về phía đông, vịnh Đà Nẵng màu nước xanh thẫm phản chiếu ánh sáng mặt trời lấp lánh trên mặt biển như ngàn vì sao giữa trưa hè. Bán đảo Sơn Trà sừng sững chắn phía đông bắc thành phố, trên đỉnh có mấy trạm ra-đa của địch to đồ sộ. Và xa hơn về chân trời phía đông là biển Đông xanh ngắt... Trong tôi, khoảnh khắc này không khỏi xúc động, bồi hồi nhớ về quê nhà, nhớ về

những người thân, nhớ về người vợ trẻ ngày ngày đang ngóng tin chồng nơi chiến trường nóng bỏng, nhớ về miền Bắc thân yêu, nhớ về các đồng đội đã ngã xuống trong các trận đánh quyết liệt và muốn nói thật to lên rằng: Đà Nẵng - thành phố lớn bậc nhì ở miền Nam đã được giải phóng rồi!

Đến chiều 29 tháng 3, thành phố Đà Nẵng hoàn toàn được giải phóng.

Tối 29 tháng 3, tôi đi một vòng kiểm tra các đơn vị. Tiểu đoàn 8 chiếm giữ khu vực tây nam sân bay Đà Nẵng. Tiểu đoàn 9 ở phía đông sân bay Đà Nẵng. Tiểu đoàn 7 và Trung đoàn bộ ở căn cứ Hòa Cầm. Sau khi kiểm tra các đơn vị của Tiểu đoàn 8 xong, mấy anh em chúng tôi lên một chiếc xe GMC thu được của địch do một người dân ở cổng phía tây sân bay Đà Nẵng lái, chạy một vòng trên đường thành phố. Đi đến đâu chúng tôi cũng gặp nhân dân đổ ra đường, đông đúc, với những nét mặt hớn hở, ánh mắt, nụ cười đầy ắp niềm vui, tay cầm cờ hoa xen lẫn với các chiến sĩ Quân giải phóng đón chào một ngày mới - ngày đổi đời được sống tự do sau hơn hai mươi năm bị Mỹ và chế độ ngụy Sài Gòn kìm kẹp. Đi qua các căn cứ quân sự của quân đội ngụy trước đây chúng tôi thấy đều có bộ đội ta chiếm giữ. Các ngã ba, ngã tư, các chiến sĩ Quân giải phóng đã đứng chốt để bảo đảm an ninh, trật tự trên đường phố.

Khoảng 9 giờ tối 29 tháng 3 tôi về vị trí chỉ huy Tiểu đoàn 8. Sau đó, tôi và đồng chí trợ lý tác chiến và tổ thông tin bộ đàm đi về Sở chỉ huy cơ bản của trung đoàn đóng tại căn cứ Hòa Cầm. Tôi báo cáo lại tình hình của

Tiểu đoàn 8 và Tiểu đoàn 9 cho Trung đoàn trưởng Nguyễn Sơn Văn và Chính ủy Lê Xuân Lộc. Sau đó, Ban chỉ huy Trung đoàn hội ý xác định nhiệm vụ và phân công các đồng chí trong Ban chỉ huy Trung đoàn xuống các đơn vị để kiểm tra và nắm tình hình. Nhiệm vụ của chúng tôi lúc này là giải quyết chính sách thương binh, tử sĩ, thu chiến lợi phẩm, chủ yếu súng M79, máy thông tin PRC 25 và đạn, gạo bổ sung cho dự trữ sẵn sàng chiến đấu.

Đêm 29 tháng 3, khi nằm trên cánh võng tôi mới thấy mình mệt nhoài, mắt cứ díp lại không cưỡng lại được. Thoảng nghĩ đã từ rất lâu rồi, tôi chưa tự cho phép mình được ngủ một giấc thoải mái mà không phải lo nghĩ gì. Thế rồi tôi cũng không biết mình ngủ thiếp đi từ lúc nào ngập tràn trong niềm vui chiến thắng.

Sáng ngày 30 tháng 3, tôi và đồng chí Bùi Sáu - Phó Chính ủy Trung đoàn xuống kiểm tra và giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn 8 và Tiểu đoàn 9 tổ chức bảo vệ các doanh trại của quân đội nguy trước đây mà hiện nay chúng tôi đang đóng quân. Doanh trại của chúng hầu hết là nhà khung lắp ghép bằng thép, lợp tôn, vách trần bằng gỗ dán nên rất dễ bị cháy. Chúng tôi quán triệt cho bộ đội nhận rõ là mấy ngày trước đây là tài sản của địch, nhưng nay là tài sản của ta, nên ta phải giữ gìn, bảo quản để sử dụng, đặc biệt chú ý công tác phòng cháy.

Tại sân bay Đà Nẵng, chúng tôi trú quân trong các doanh trại ngoài phạm vi đường băng. Các loại xe vận tải quân sự, xe Jeép, quần áo, súng đạn và trang bị của quân đội nguy vút ngổn ngang. Chúng tôi giao nhiệm vụ cho các tổ trình sát đi kiểm tra để xác định chính xác vị trí

kho lương thực, kho vũ khí, kho xăng dầu. Phát hiện đến đâu, chúng tôi cử bộ đội chốt giữ và bảo vệ đến đó.

Đi đến phía nam sân bay, gần cuối đường băng thấy mấy chiếc xe Jeép còn mới, tôi liền lên kiểm tra thấy bình xăng còn đầy, xe vẫn hoạt động tốt, tôi lái thử xe vẫn chạy tốt. Vì trước khi vào bộ đội tôi đã được học lái xe ở Nhà máy Thủy điện Thác Bà nên tôi lái xe rất thành thạo. Thế là tôi dùng chính chiếc xe đó để đi kiểm tra các đơn vị. Tôi lái xe đến Ban chỉ huy Tiểu đoàn 8, rồi sang Tiểu đoàn 9 nắm lại tình hình của các đơn vị trong ngày 30 tháng 3. Tiểu đoàn 9 báo cáo: Phát hiện được một kho gạo rất lớn ở khu doanh trại phía tây bắc sân bay. Sau đó tôi về báo cáo Ban chỉ huy Trung đoàn và Bộ Tư lệnh Sư đoàn về tình hình đóng quân của các đơn vị, bộ đội đang tiến hành thu dọn vệ sinh doanh trại và củng cố nơi ăn ở; đồng thời báo cáo về kho gạo vừa phát hiện được ở phía bắc sân bay Đà Nẵng. Bộ Tư lệnh Sư đoàn yêu cầu trung đoàn phải giữ gìn để bộ phận hậu cần sư đoàn xuống kiểm tra số lượng, chất lượng, báo cáo cấp trên về kế hoạch cấp phát cho các đơn vị.

Chiều ngày 30 tháng 3, chúng tôi nhận được nhiệm vụ sư đoàn giao: ngày 1 tháng 4 tổ chức rút quân ra khỏi sân bay Đà Nẵng. Sở chỉ huy Trung đoàn cơ động về quận lỵ Hiếu Đức. Tiểu đoàn 9 về đứng chân ở xã Hòa Phong, Tiểu đoàn 8 đứng chân ở xã Hòa Sơn, Tiểu đoàn 7 đứng chân ở xã Hòa Khương. Sở chỉ huy Sư đoàn 304 đóng tại căn cứ Hòa Cầm.

Được phép của Bộ Tư lệnh Sư đoàn, Ban chỉ huy Trung đoàn chúng tôi sử dụng mỗi người một chiếc

xe Jeép, mấy ngày đầu chưa có lái xe, tôi tự lái đi kiểm tra các đơn vị. Sau đó, một số đồng chí trước khi vào bộ đội cũng đã học lái xe hoặc từng lái máy cày bánh lốp ở miền Bắc được chúng tôi điều lên làm lái xe. Lúc này, Trung đoàn 66 có 1 đại đội vận tải cơ giới với hơn 10 xe GMC thu được của địch làm nhiệm vụ chở quân, vận tải lương thực, đạn dược.

Mấy ngày sau đó, Ban chỉ huy Trung đoàn chỉ đạo các đơn vị củng cố, tiếp nhận bổ sung quân số, đạn dược, lương thực, thực phẩm và làm công tác vận động quần chúng ở các địa bàn đơn vị đóng quân. Lúc này, từ chiến trường Tây Nguyên, Quân đoàn 3 phát triển tiến công theo các trục đường số 7, 19 và 21, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương giải phóng các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, trong đó có quân cảng Cam Ranh.

Từ đầu tháng 4 năm 1975, trong quá trình giải phóng các tỉnh ven biển miền Trung và Nam Trung Bộ, Bộ Chính trị đã quyết định nhanh chóng giải phóng các đảo do quân ngụy Sài Gòn đóng giữ thuộc quần đảo Trường Sa. Ngày 4 tháng 4 năm 1975, Quân ủy Trung ương đã giao nhiệm vụ này cho Bộ Tư lệnh Quân khu 5 và Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân thực hiện. Đêm 13 rạng sáng ngày 14 tháng 4 năm 1975, lực lượng Quân khu 5 và hải quân đã giải phóng đảo Song Tử Tây. Đêm 28 rạng sáng ngày 29 tháng 4, quân ta giải phóng các đảo Nam Yết, Sơn Ca, Sinh Tồn, An Bang và Trường Sa. Thắng lợi này tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.



## Chương bốn

# THAM GIA CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

S AU khi mất quân khu 1 và quân khu 2, chính quyền Sài Gòn tính toán rằng ta phải mất hai tháng nữa mới tiếp tục tiến công được, nên chủ trương tổ chức tuyến phòng ngự từ xa, giữ toàn bộ quân khu 3 và quân khu 4, ngăn chặn và làm chậm bước tiến công của ta cho đến mùa mưa. Sau đó chúng sẽ cho quân đánh chiếm lại một số khu vực đã mất để thương lượng với ta. Chúng cho thu thập tàn quân, chấn chỉnh các lực lượng còn lại, khôi phục những đơn vị bị thiệt hại nặng, điều chỉnh bố trí nhằm cải thiện về cơ bản thế phòng ngự của chúng ở khu vực Sài Gòn - Gia Định và đồng bằng sông Cửu Long. Quanh Sài Gòn, trên các hướng bắc, tây bắc, tây nam mỗi hướng được chúng bố trí từ một sư đoàn đến một sư đoàn tăng cường. Riêng hướng đông, lực lượng phòng thủ của chúng tăng dần lên đến 9 trung đoàn, lữ đoàn bộ binh, lính dù, lính thủy đánh bộ, 4 trung đoàn thiết giáp. Trung tâm Sài Gòn - Gia Định do một số đơn vị lính dù, biệt động, thiết giáp, các lực lượng bảo vệ căn cứ, lực lượng thuộc "Biệt khu thủ đô" phòng giữ, ba sư đoàn không quân trực tiếp chi viện ở

khu vực Sài Gòn - Gia Định. Ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, địch có 3 sư đoàn bộ binh, 5 trung đoàn thiết giáp, 1 sư đoàn không quân, tập trung phòng giữ đoạn Tân An - Mỹ Tho. Trong thế phòng ngự mới, Phan Rang là một vị trí tiền tiêu cực kỳ quan trọng, địch đã tập trung ở đây một lực lượng hơn 2 sư đoàn kể cả bộ binh, không quân, quân dù và quân biệt động do bộ tư lệnh tiền phương quân đoàn 3 ngự trực tiếp chỉ huy.

Những ngày đầu tháng 4, quân và dân cả nước dồn sức người sức của về hướng Sài Gòn - Gia Định. Quân đoàn 1 từ hậu phương lớn miền Bắc, Quân đoàn 2 từ Đà Nẵng vừa được giải phóng, Quân đoàn 3 từ Tây Nguyên và nhiều đơn vị binh chủng hậu cần, kỹ thuật, hành quân thần tốc về chiến trường trọng điểm. Quân đoàn 4, Đoàn 232 (tương đương quân hàm), cùng nhân dân và lực lượng vũ trang chiến trường B2 khẩn trương mở đường, bắc cầu, cơ động lực lượng, chuẩn bị vật chất, triển khai thế trận chia cắt và bao vây chiến lược...

Từ ngày 9 đến ngày 21 tháng 4, Quân đoàn 4 (thiếu Sư đoàn 9) và Sư đoàn 6 Quân khu 7 đã mở chiến dịch tiến công cấp quân đoàn, đánh chiếm thị xã Xuân Lộc và giải phóng tỉnh Long Khánh, gây thiệt hại nặng cho quân đoàn 3 ngự, đánh quy sư đoàn bộ binh số 18 tổng dự bị chiến lược của quân ngự, tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn từ hướng đông và đông nam.

Ngày 14 tháng 4 năm 1975, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định và quyết định lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh, chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn,

kết hợp tiến công và nổi dậy tại sào huyệt cuối cùng của địch, chiến dịch quyết chiến chiến lược lịch sử, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc ta.

Theo quyết định của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, sau khi giải phóng Đà Nẵng, Quân đoàn 2 được Bộ Tổng Tư lệnh tăng cường Sư đoàn 3 - Sao Vàng của Quân khu 5 và được lệnh hành quân bằng cơ giới vào phía nam chuẩn bị tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Từ ngày 6 đến ngày 7 tháng 4, chúng tôi làm công tác chuẩn bị hành quân vào phía Nam để phối hợp với các đơn vị bạn chiến đấu. Sau khi nhận nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Sư đoàn giao, Ban chỉ huy Trung đoàn 66 đã quán triệt, phổ biến nhiệm vụ cho các đơn vị, xây dựng quyết tâm và kế hoạch tổ chức hành quân. Đặc điểm cuộc hành quân lần này là toàn bộ lực lượng hành quân bằng cơ giới, đường hành quân dài, nên sẽ gặp rất nhiều khó khăn vì chúng tôi chưa có nhiều kinh nghiệm tổ chức cho bộ đội hành quân bằng cơ giới. Năm 1974, Trung đoàn 66 đã hành quân bằng cơ giới trên đường Hồ Chí Minh, nhưng lúc đó là tuyến đường xuyên qua những cánh rừng già, được bố trí các trạm giao liên, nền đường đất, nhiều đèo dốc nên tốc độ hành quân chậm. Lần này, chúng tôi hành quân trên trục đường số 1, qua nhiều thị xã, thành phố mới được giải phóng, vừa hành quân, vừa sẵn sàng chiến đấu để đối phó với các tình huống có thể xảy ra như tàn quân địch còn đang ẩn náu ở các cánh rừng, máy bay địch trên không và pháo tàu chiến dịch ngoài biển đánh phá dọc đường. Do vậy,

trung đoàn đã tổ chức quán triệt nhiệm vụ sâu sắc, xây dựng kế hoạch hành quân cơ động cũng như các phương án chiến đấu trong hành tiến rất chu đáo và tổ chức chỉ huy chặt chẽ.

Từ ngày 7 đến ngày 9 tháng 4, trung đoàn tiếp nhận đơn vị xe ô tô của trên tăng cường. Ngay sau đó nhanh chóng tổ chức cho bộ đội tập lên xuống xe và xếp đội hình. Trung đoàn tổ chức sắp xếp mỗi chiếc xe Zil 157 hay Zil - Hồng Hà và xe GMC chiến lợi phẩm mới thu đảm nhiệm chuyên chở một trung đội. Trên mỗi xe, xếp các bao gạo ở hai bên thành xe làm ghế ngồi, giữa lòng xe để ba lô, bộ đội mang theo vũ khí cá nhân ngồi hai bên thành xe. Phía trước trên nóc ca-bin có bố trí hỏa lực trung liên và B.40 để sẵn sàng chiến đấu. Trung đội trưởng ngồi trên ca-bin cùng lái xe, Trung đội phó ngồi trên thùng xe để chỉ huy bộ đội.

Theo kế hoạch hành quân và phân công của Ban chỉ huy Trung đoàn 66, tôi chỉ huy bộ phận đi trước làm nhiệm vụ tiền trạm. Bộ phận tiền trạm có hai trợ lý tác chiến, một trợ lý dân vận, hai chiến sĩ vệ binh, một tổ thông tin bộ đàm 2 oát và một tiểu đội thông tin truyền đạt cùng cán bộ, chiến sĩ tiền trạm của các tiểu đoàn, đại đội trực thuộc.

6 giờ sáng ngày 12 tháng 4, bộ phận tiền trạm của trung đoàn xuất phát. Xe của chúng tôi đi dọc theo quốc lộ số 1 tiến về phía nam, mặt đường còn khá tốt, chỉ có một số cầu bị hư hại nhẹ nên tốc độ hành quân khá nhanh. Các làng xóm hai bên đường cắm đầy cờ Mặt trận Giải phóng trên các nóc nhà, trên các cây cao, nhân

dân đã trở lại cuộc sống thanh bình. Đoàn xe chúng tôi đi qua các làng mạc, thôn xóm của tỉnh Quảng Nam và Núi Thành - nơi đã lập nên kỳ tích đi đầu diệt Mỹ của cả nước. Trên đường vào thị xã Quảng Ngãi, nhân dân đổ ra đường rất đông, vai vác, tay cầm hoa quả, mía, chuối, dừa vẫy tay ra hiệu dừng xe để gửi tặng chúng tôi. Chấp hành kỷ luật dân vận, nên chúng tôi xin từ chối, nhưng nhân dân vẫn cứ đưa lên xe. Khoảng 3 giờ chiều ngày 12 tháng 4, chúng tôi gặp Đoàn tiền trạm của Sư đoàn 304 ở cuối thị xã Quảng Ngãi. Ngay sau đó, Đoàn tiền trạm của sư đoàn bàn giao vị trí tạm dừng cho chúng tôi. Khu vực Trung đoàn 66 được bố trí tạm dừng dọc theo trục đường số 1 từ nam thị xã Quảng Ngãi trở vào với chiều dài khoảng 4 cây số, các đơn vị trú quân vào sâu hai bên đường khoảng 1 cây số để đề phòng máy bay địch đánh phá vào đội hình trú quân.

Tại đây chúng tôi được lực lượng du kích địa phương đón tiếp và dẫn vào các thôn xóm để bố trí vị trí trú quân cho từng đơn vị. Sau đó, tôi giao cho các bộ phận tiền trạm của các cơ quan, đơn vị bố trí vị trí trú quân cho đơn vị mình.

Rạng sáng ngày 13 tháng 4, đội hình Trung đoàn 66 bắt đầu xuất phát hành quân. Trước đó mấy ngày, Trung đoàn 24 cũng đã hành quân theo trục đường số 1. Đội hình Trung đoàn 66 đi trước Sở chỉ huy Sư đoàn. Tiếp sau là Trung đoàn pháo binh 68. Riêng Trung đoàn 9 được hành quân bằng đường biển do tàu vận tải của hải quân chở từ quân cảng Đà Nẵng vào cảng Quy Nhơn - Bình Định. Bộ đội hành quân trên xe cơ giới với

khí thế phấn khởi, vì được tiếp tục tiến sâu vào phía nam để tham gia các trận đánh cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Khoảng 6 giờ chiều ngày 13 tháng 4, đội hình di đầu của Trung đoàn 66 đến vị trí tạm dừng ở nam thị xã Quảng Ngãi. Tôi chỉ huy các bộ phận tiền trạm của cơ quan, đơn vị đưa các đơn vị lần lượt vào vị trí trú quân. Ngay sau đó, tôi tranh thủ báo cáo với Ban chỉ huy Trung đoàn tình hình khu vực đóng quân và kế hoạch chặng tiếp theo của bộ phận tiền trạm.

Khoảng 10 giờ tối 13 tháng 4, bộ phận tiền trạm chúng tôi lại tiếp tục xuất phát theo trục đường số 1 tiến về tỉnh Bình Định. Xe đi trong đêm, trên con đường "Khu 5 dằng dặc khúc ruột miền Trung", không gian thật tĩnh mịch, im ắng, các xóm làng đang êm ả chìm trong giấc ngủ của cuộc sống mới, cuộc sống độc lập, tự do. Sáng sớm ngày 14 tháng 4, khi đến thị xã Bình Định thì gặp Đoàn tiền trạm của sư đoàn đang tạm dừng để nắm tình hình ở phía trước, nên bộ phận tiền trạm của trung đoàn cũng phải tạm dừng. Sau đó chúng tôi tiếp tục chuẩn bị vị trí trú quân tạm dừng cho đơn vị. Khi đội hình của trung đoàn hành quân đến nơi và vào vị trí an toàn thì bộ phận chúng tôi lại tiếp tục di trước.

Tối 16 tháng 4, qua sóng phát thanh, tôi và mấy anh em nghe Đài tiếng nói Việt Nam phát đi bản tin chiến thắng. Cánh quân Duyên hải Quân đoàn 2 chúng tôi và Sư đoàn 3 - Sao Vàng đã đập tan tuyến phòng thủ từ xa của quân đoàn 3 ngụy ở Phan Rang,

chiếm sân bay Thành Sơn, bắt hai tướng ngụy là Nguyễn Vĩnh Nghi và Phạm Ngọc Sang. Tôi vô cùng phấn khởi với chiến thắng to lớn của quân đoàn mình trên đường hành tiến "thần tốc" vào phía Nam và thầm mong nhanh chóng được tiến vào giải phóng Sài Gòn.

Ngày 20 tháng 4, đội hình hành quân của trung đoàn tiếp tục hành quân đến thị xã Phan Thiết tỉnh Bình Thuận, được biết hôm qua Sư đoàn 325 và Sư đoàn 3 mới giải phóng thị xã. Cũng từ đây bộ phận tiền trạm của chúng tôi trở về đội hình hành quân của trung đoàn. Tại đây sư đoàn thông báo cho biết thị xã Hàm Tân tỉnh Bình Tuy vẫn còn địch và chúng đang chuẩn bị rút chạy. Đồng chí Tham mưu trưởng quân đoàn Bùi Công Ái trực tiếp giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 66: Trung đoàn được tăng cường Tiểu đoàn thiết giáp 5 của Lữ đoàn 203, Tiểu đoàn pháo binh 12 của Trung đoàn pháo binh 68, 1 tiểu đoàn pháo phòng không 37 ly của Trung đoàn pháo phòng không 268, có nhiệm vụ tiến công diệt địch ở Hàm Tân, theo trục đường số 28, vận dụng phương pháp tác chiến tiến công trong hành tiến.

Lúc này, Trung đoàn 66 cách thị xã Hàm Tân khoảng 20 cây số. Sau khi nhận nhiệm vụ, Ban chỉ huy Trung đoàn 66 đã nhanh chóng hạ quyết tâm giải phóng thị xã Hàm Tân trong ngày 22 tháng 4, đồng thời hoàn chỉnh quyết tâm và các kế hoạch chiến đấu. Ban chỉ huy Trung đoàn đã khẩn trương tổ chức giao nhiệm vụ, hiệp đồng cho các đơn vị.

17 giờ ngày 22 tháng 4, toàn bộ đội hình trung đoàn và các đơn vị tăng cường đã vào vị trí tập kết chiến đấu. Đến 18 giờ cùng ngày, các đơn vị triển khai xong đội hình xuất phát tiến công. Đúng 18 giờ 40 phút ngày 22 tháng 4, Trung đoàn trưởng ra lệnh cho pháo binh thực hành hoả lực chuẩn bị vào trận địa pháo, sân bay và vào các vị trí địch đóng quân trong thị xã Hàm Tân. Sau 20 phút hoả lực bắn chế áp, đúng 19 giờ đội hình chiến đấu của trung đoàn bắt đầu xung phong. Khi đến cầu Hàm Tân thì cầu bị sập nên ô tô chở bộ binh không vượt qua được, xe thiết giáp phải đi vòng xuống ngầm để vượt qua sông, đội hình bộ binh phải xuống xe để triển khai chiến đấu. Đến 19 giờ 45 phút, đội hình bộ binh đi đầu của Tiểu đoàn 8 đến cách sân bay chừng 300 mét, dùng hoả lực bắn vào sân bay và xung phong đánh chiếm sân bay. Lúc này Ban chỉ huy Trung đoàn hội ý và giao nhiệm vụ cho tôi trực tiếp xuống chỉ huy Tiểu đoàn 8, sau khi đánh chiếm sân bay xong chỉ để lại một bộ phận chốt giữ, còn lại đại bộ phận của Tiểu đoàn 8 nhanh chóng phối hợp với Tiểu đoàn 7 đánh vào thị xã.

Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 22 tháng 4 chúng tôi bắt được liên lạc với Tiểu đoàn 7 ở bắc thị xã Hàm Tân. Theo kế hoạch, Tiểu đoàn 7 tiến công từ phía bắc, Tiểu đoàn 8 tiến công từ phía tây nam theo trục đường số 28 vào thị xã. Khoảng 21 giờ ngày 22 tháng 4, chúng tôi nổ súng tiến công. Sau gần 2 giờ chiến đấu, toàn bộ lực lượng địch ở thị xã Hàm Tân bị tiêu diệt và bỏ chạy. Các đơn vị thừa thắng truy kích địch đến tận cảng biển của thị xã



Hàm Tân. Sau đó trung đoàn để lại một bộ phận phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương chốt giữ trong thị xã, còn hầu hết lực lượng trở về vị trí tập kết để chuẩn bị nhận nhiệm vụ tiếp theo.

Sáng ngày 23 tháng 4, trung đoàn tiếp tục hành quân trong đội hình của sư đoàn. Đêm 23 tháng 4, trung đoàn vào vị trí tập kết ở rừng cao su đồn điền Ông Quế, cách thành phố Sài Gòn khoảng 60 cây số về phía đông. Tại đây, chúng tôi được cấp trên giao nhiệm vụ tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - trận quyết quyết chiến chiến lược của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trung đoàn 66 chúng tôi được giao nhiệm vụ làm lực lượng dự bị của sư đoàn, sẵn sàng thay thế các trung đoàn 9 và 24. Trung đoàn 9 đảm nhiệm tiến công vào căn cứ Nước Trong. Trung đoàn 24 đảm nhiệm tiến công vào trường sĩ quan bộ binh nguy ở căn cứ Thái Lan trước đây, giáp căn cứ Nước Trong. Khi Trung đoàn 9 và Trung đoàn 24 hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm hai căn cứ trên thì Trung đoàn 66 có nhiệm vụ nằm trong đội hình Binh đoàn thọc sâu của Quân đoàn 2 nhanh chóng tiến công theo trục đường số 15, xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa tiến vào nội đô Sài Gòn. Tiếp đó, sáng ngày 24 tháng 4, cán bộ quân sự cấp trưởng từ đại đội trở lên và các đồng chí Trung đoàn trưởng, Trung đoàn phó và Tham mưu trưởng di trình sát thực địa, nắm tình hình địch ở căn cứ Nước Trong và phía đông tổng kho Long Bình.

Ngày 25 tháng 4, các đơn vị của trung đoàn làm xong mọi công tác chuẩn bị. Lúc này, cán bộ, chiến sĩ trong

trung đoàn với khí thế rất cao, mọi người đều hồ hởi được tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đánh vào sào huyệt cuối cùng của chính quyền Sài Gòn. Trên những chiếc mũ cứng, cán bộ, chiến sĩ đều dán khẩu hiệu "Quyết tâm giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam".

Đúng 17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử bắt đầu, những phát pháo đầu tiên hoả lực chuẩn bị của Quân đoàn 2 và Sư đoàn 304 bắn vào căn cứ Nước Trong và trường sĩ quan bộ binh của địch. Sau giai đoạn hoả lực chuẩn bị, bộ đội Trung đoàn 9 và Trung đoàn 24 thực hành xung phong tiến công đánh địch ở căn cứ Nước Trong và trường sĩ quan bộ binh. Suốt ngày 27 tháng 4 các đơn vị Trung đoàn 9, Trung đoàn 24 vẫn chưa đánh chiếm được các mục tiêu đã định. Quân địch dựa vào công sự kiên cố và thế phòng ngự vững chắc của các căn cứ trước đây Mỹ và chư hầu từng đóng giữ để chống trả ta quyết liệt. Cuộc chiến đấu diễn ra rất gay go, căng thẳng.

Đến sáng ngày 28 tháng 4, địch vẫn chống trả quyết liệt. Trung đoàn 9 vẫn chưa đánh chiếm được căn cứ Nước Trong. Chỉ huy Sư đoàn 304 lệnh cho Trung đoàn 66 đưa Tiểu đoàn 7 lên tăng cường chiến đấu cho Trung đoàn 9. Tôi được giao nhiệm vụ chỉ huy Tiểu đoàn 7 cơ động lên chi viện cho Trung đoàn 9. Khoảng 9 giờ ngày 28 tháng 4, khi Tiểu đoàn 7 đến Sở chỉ huy Trung đoàn 9, đồng chí Trung đoàn trưởng Trung đoàn 9 giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn 7 sẵn sàng vào chiến đấu nếu hướng chủ yếu của Trung đoàn 9 gặp khó khăn. Nhưng

đến khoảng 10 giờ ngày 28 tháng 4, hướng chủ yếu của Trung đoàn 9 đã phát triển chiến đấu thuận lợi. Đến chiều ngày 28 tháng 4, Trung đoàn 9 làm chủ hoàn toàn căn cứ Nước Trong. Trung đoàn 24 đã làm chủ được trường sĩ quan bộ binh đồng thời đánh chiếm được ngã ba Thái Lan và cầu sông Buông trên đường số 15. Được lệnh của sư đoàn, tôi và Tiểu đoàn 7 trở về đội hình chiến đấu của trung đoàn.

Đêm 28 rạng ngày 29 tháng 4, các đơn vị của Trung đoàn 66 đã tập kết ở ngã ba Thái Lan, cạnh trục đường số 15 đi vào căn cứ Nước Trong. Đây là một rừng cao su rậm rạp. Từ lúc này, Trung đoàn 66 nằm trong đội hình lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2. Căn cứ vào ý định thọc sâu và sử dụng lực lượng của quân đoàn, trung đoàn tổ chức bố trí đội hình chiến đấu như sau: Đại đội 2 của Tiểu đoàn 7, mỗi tiểu đội ngồi trên một chiếc xe tăng của phân đội di dẫu trong đội hình dẫn Lữ đoàn xe tăng 203. Lực lượng còn lại của Tiểu đoàn 7 ngồi trên xe thiết giáp và xe ô tô. Cứ mỗi trung đội ngồi trên một chiếc ô tô. Sau đội hình Tiểu đoàn 7 và tiểu đoàn xe tăng của Lữ đoàn 203 là đội hình Tiểu đoàn 8 và Tiểu đoàn 9, mỗi trung đội cũng ngồi trên một chiếc ô tô vận tải quân sự.

Để thực hành tiến công trong hành tiến, chúng tôi bố trí bộ đội ngồi trên xe theo tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu, có thể phát huy được hỏa lực, hoặc khi nhảy ra khỏi xe triển khai đội hình chiến đấu được ngay. Tôi được phân công chỉ huy Tiểu đoàn 7 di dẫu đội hình tiến công hành tiến của trung đoàn. Tôi đi trên chiếc xe Jeép do đồng chí Đào Ngọc Vân, quê ở Thanh Hóa lái, đi cùng

với tôi còn có đồng chí Nguyễn Khắc Nhu - Trung úy, Trợ lý tác chiến, một chiến sĩ vệ binh, một chiến sĩ truyền đạt là đồng chí Nguyễn Huy Hoàng và đồng chí Bàn Nguyên Thất - chiến sĩ thông tin 2 oát.

Đến 15 giờ ngày 29 tháng 4, khi đội hình hành tiến của Tiểu đoàn 7 đã triển khai xong, tôi dùng máy thông tin 2 oát báo cáo về Ban chỉ huy Trung đoàn là Đại đội 2 Tiểu đoàn 7 đã nhập vào đội hình xe tăng, mọi công tác chuẩn bị đã sẵn sàng. Đúng 17 giờ, lực lượng thọc sâu xuất phát. Xe chúng tôi và xe Ban chỉ huy Tiểu đoàn 7 đi sau phân đội xe tăng đi đầu của tiểu đoàn xe tăng thuộc Lữ đoàn 203. Đến 19 giờ ngày 29 tháng 4, phân đội xe tăng đến cầu sông Buông. Trên trời có rất nhiều tiếng máy bay các loại, nhưng không thấy chúng đánh phá (sau này tôi mới biết đó là các máy bay địch chở người di tản và một số sĩ quan, công chức cao cấp của ngụy bỏ chạy ra Vũng Tàu). Do cầu sông Buông bị địch phá hỏng, nên đội hình hành tiến phải tạm dừng chờ bộ đội công binh của quân đoàn và sư đoàn khắc phục. Đến 21 giờ tối 29 tháng 4, Binh đoàn thọc sâu lại tiếp tục hành tiến. Do cầu yếu, chỉ từng xe một vượt cầu nên mất khá nhiều thời gian. Khoảng 23 giờ tối 29 tháng 4, đầu đội hình đến ngã ba Long Bình và đầu cầu xa lộ qua sông Đồng Nai. Đây là một chiếc cầu lớn và quan trọng trên xa lộ Sài Gòn - Biên Hoà, bộ đội đặc công của ta đã đánh chiếm và chốt giữ từ mấy ngày trước. Ngay tại đầu cầu xa lộ, do đêm tối, chiếc xe tăng đi đầu lao lên dải phân cách nên bị đội bụng, xích quay tại chỗ không chạy được nên toàn bộ đội hình phải dừng lại.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp và phu nhân chụp ảnh kỷ niệm cùng vợ chồng đồng chí Phạm Xuân Thệ tại khu nghỉ dưỡng Tam Đảo, năm 1996.



Cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 và lãnh đạo tỉnh Bắc Giang chụp ảnh kỷ niệm nhân dịp Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu lên thăm và làm việc tại Quân đoàn 2, năm 2000.



Cùng Bộ Tư lệnh Quân khu 1 chụp ảnh kỷ niệm nhân dịp Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh lên thăm và làm việc tại Quân khu 1, năm 2007.



Cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 và lãnh đạo tỉnh Bắc Giang chụp ảnh kỷ niệm nhân dịp Chủ tịch nước Lê Đức Anh lên thăm và làm việc tại Quân đoàn 2, năm 1995.



Cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 đón Chủ tịch nước Trần Đức Lương lên thăm và làm việc tại Quân đoàn 2, năm 1999.



Cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 đón Thượng tướng Đào Đình Luyện - Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam đi kiểm tra diễn tập thực nghiệm tại Sư đoàn 304, năm 1992.



Cùng Đoàn đại biểu quân sự cấp cao ba quân khu 1, 2, 3 sang thăm nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, năm 2005.



Cùng Đoàn đại biểu Quân đội nhân dân Việt Nam do Thiếu tướng Đào Trọng Lịch - Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam dẫn đầu thăm Trường Sa, năm 1998.





Cùng Đoàn đại biểu Đảng bộ Quân đoàn 2 chụp ảnh kỷ niệm cùng đồng chí Lê Đức Anh, đồng chí Đoàn Khuê nhân dịp Dự Đại hội Đảng toàn quân lần thứ V, năm 1991 (đồng chí Thệ đứng ngoài cùng bên trái).



Cùng Đoàn đại biểu Đảng bộ Quân đoàn 2 chụp ảnh kỷ niệm cùng đồng chí Đoàn Khuê nhân dịp Dự Đại hội Đảng toàn quân lần thứ VI, năm 1996 (đồng chí Thệ đứng thứ hai từ trái sang).



Cùng Đoàn đại biểu Quân đội nhân dân Việt Nam do đồng chí Lê Văn Dũng - Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam dẫn đầu sang thăm nước Cộng hòa Phi-líp-pin, năm 1994.



Chụp ảnh kỷ niệm cùng người thân nhân dịp được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, năm 2011.

Sau đó, chúng tôi phải cho bộ đội xuống xe và tìm cách khắc phục sự cố được bằng cách kéo chiếc xe tăng bị đội bụng lùi lại. Tới gần 24 giờ tối 29 tháng 4, đội hình hành tiến thọc sâu theo đường xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa lao thẳng về hướng Sài Gòn. Khoảng 3 giờ sáng ngày 30 tháng 4, chúng tôi đến ngã ba xa lộ Đại Hàn thì gặp địch đang tổ chức chốt chặn, chúng dùng hỏa lực bắn vào đội hình của ta. Bộ phận đi đầu đội hình đã triển khai đội hình xe tăng và bộ binh đánh trả quân địch. Trận đánh diễn ra được khoảng từ 15 đến 20 phút thì địch bỏ chạy, bộ đội ta lại tiếp tục hành tiến. Khoảng 5 giờ sáng ngày 30 tháng 4, bộ đội ta qua cầu Rạch Chiếc, cầu này cũng đã có bộ đội đặc công ta đánh chiếm từ ngày hôm trước và kiên cường chốt giữ cầu không cho địch phá hoại. Đến 6 giờ sáng ngày 30 tháng 4, phân đội xe tăng đi đầu cùng Đại đội 2 đến đầu cầu Sài Gòn. Khi thấy xe tăng và bộ binh ta, quân địch đã chống trả quyết liệt. Trên đỉnh dốc cầu, địch bố trí các ụ súng đã chiến bằng thùng phi đổ dật dật hỏa khí chống tăng và máy chiếc xe tăng M.41 liên tục bắn chặn vào phân đội xe tăng đi đầu của ta. Cùng lúc đó, địch ở hai bên đầu cầu phía bên kia sông Sài Gòn dùng hỏa lực xe tăng và pháo bắn thẳng bắn sang đội hình của chúng tôi rất ác liệt. Dưới sông Sài Gòn có nhiều tàu chiến và giang thuyền chạy ngang, chạy dọc mặt sông, chúng dùng pháo và các hỏa khí bắn chặn quyết liệt về đầu cầu phía bắc. Lúc này, tôi báo cáo nhanh với đồng chí Trung đoàn trưởng là đội hình đi đầu bị địch bắn trả rất quyết liệt phải dừng lại triển khai chiến đấu. Trung đoàn trưởng

Nguyễn Sơn Văn ra lệnh cho tôi chỉ huy triển khai Tiểu đoàn 7 phối hợp cùng lực lượng xe tăng của Lữ đoàn 203 nhanh chóng tiêu diệt địch, đánh chiếm cầu và vượt qua cầu bằng được, không để địch phá cầu. Tôi cùng Ban chỉ huy Tiểu đoàn 7 điều Trung đội ĐKZ 75 của tiểu đoàn, đồng thời trung đoàn cũng điều Đại đội ĐKZ 75 của trung đoàn lên phía trước. Ngay sau đó, hoả lực xe tăng, pháo 85 ly bắn thẳng của sư đoàn và ĐKZ 75, B.40, B.41, 12,7 ly của Tiểu đoàn 7 đồng loạt chế áp hỏa lực vào quân địch trên cầu, bên kia cầu và tàu của chúng dưới sông. Khoảng 20 phút sau, bộ đội ta bắn cháy 2 chiếc xe tăng M.41 trên đỉnh cầu Sài Gòn, bắn cháy và chìm 2 tàu chiến địch trên sông Sài Gòn. Số tàu chiến địch còn lại vội chạy xuôi theo sông Sài Gòn.

Lúc này tôi quan sát thấy trên tháp pháo một chiếc xe tăng của ta có một đồng chí bị thương nặng gục xuống, chiến sĩ bộ binh và các đồng chí pháo thủ đưa đồng chí đó xuống mặt đường để băng bó, cấp cứu, được một lúc thì đồng chí đó hy sinh. Sau này tôi mới được biết đó là đồng chí Ngô Văn Nhõ - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn xe tăng đi đầu đội hình của Lữ đoàn 203. Tại đầu cầu Sài Gòn, ta bị địch bắn trả làm cháy 2 xe tăng, một xe bị đứt xích, hy sinh và bị thương một số đồng chí. Một số cán bộ, chiến sĩ của Tiểu đoàn 7 cũng bị thương vong ở ngay đầu cầu Sài Gòn.

Khoảng 7 giờ sáng ngày 30 tháng 4, địch vẫn chống trả rất quyết liệt, trận chiến đấu giữa ta và địch diễn ra liên tục và rất ác liệt. Đến khoảng 8 giờ sáng ngày 30 tháng 4, quân địch chống trả yếu ớt, sau đó bỏ chạy.

Lúc này đồng chí Hoàng Đan - Phó Tư lệnh Quân đoàn và đồng chí Trung đoàn trưởng Nguyễn Sơn Văn đã trực tiếp đến vị trí tôi đang chỉ huy Tiểu đoàn 7 chiến đấu. Đồng chí Hoàng Đan ra lệnh cho tôi phải nhanh chóng đưa bộ đội vượt qua cầu để chiếm giữ đầu cầu bên kia, không cho địch phá cầu. Tôi ra lệnh cho Tiểu đoàn 7 lên xe bám theo lực lượng xe tăng nhanh chóng vượt qua cầu. Lúc này trên mặt cầu, hai chiếc xe tăng M.41 của địch đang cháy rất dữ dội, từng xe một phải lách thật nhanh để vượt qua vì lửa bốc rất cao, đạn trong xe tăng vẫn nổ dữ dội. Khi mấy chiếc xe tăng của ta qua được đầu cầu bên kia thì tôi cũng lên xe Jeép lao theo.

Đội hình hành tiến của lực lượng thọc sâu tiếp tục tiến thẳng vào nội đô Sài Gòn. Đến ngã tư Hàng Xanh, vì không biết đường vào nội đô nên xe chúng tôi phải dừng lại để hỏi đường. Lúc này địch đã rút khỏi cầu Sài Gòn chạy vào nội đô, nhưng nhân dân vẫn chưa dám ra đường, mà đóng kín cửa ở trong nhà. Chúng tôi phải vào nhà dân để hỏi đường vào dinh Độc Lập, có tiếng nói vọng ra: Quân giải phóng queo tay trái vượt qua cầu Thị Nghè thì đến dinh Độc Lập. Nghe thấy vậy, thế là chúng tôi nhảy vội lên xe, rẽ tay trái chạy thẳng đến cầu Thị Nghè. Lúc này đội hình hành quân của ta xe tăng và ô tô đan cài, xe nọ vượt xe kia không thành thứ tự hàng lối nào cả. Đến cách cầu Thị Nghè hơn 100 mét thì bộ phận đi đầu đội hình phải dừng lại vì gặp địch tổ chức bố trí cả xe bọc thép chốt chặn bên kia đầu cầu. Bộ phận xe tăng và bộ binh đi đầu lại tiếp tục triển khai chiến đấu. Trận chiến đấu diễn ra

khoảng 20 phút, xe bọc thép địch bị xe tăng ta bắn nổ tung, bọn địch vội vã tháo chạy.

Sau khi vượt cầu Thị Nghè, lực lượng thọc sâu của Quân đoàn 2 đến Thảo Cầm Viên. Chúng tôi lại phải dừng lại để hỏi đường, vì lúc này đường vào thành phố rất nhằng nhịt, nhiều ngã đường khác nhau. Xe chúng tôi vừa dừng, thì thấy trong Thảo Cầm Viên có một người vác lá cờ Giải phóng chạy vội ra phía xe chúng tôi. Ông ta khoảng chừng 40 tuổi. Tôi hỏi ông ta đường vào dinh Độc Lập phải đi lối nào, ông ta bảo cho ông ta lên xe để chỉ đường. Như vậy, chiếc xe Jeép của tôi lúc này gồm có tôi ngồi ghế phía trước, đồng chí Đào Ngọc Vân lái xe, băng ghế phía sau và gác-dờ-bu xe có đồng chí Nguyễn Khắc Nhu - Trợ lý tác chiến, đồng chí Nguyễn Huy Hoàng - chiến sĩ truyền đạt, đồng chí Bàn Nguyên Thất - chiến sĩ thông tin 2 oát và người dân đi theo chỉ đường. Sau đó, xe chúng tôi chạy thẳng từ cổng Thảo Cầm Viên theo một con đường rất lớn. Đến ngã tư đường Hồng Thập Tự - Mạc Đĩnh Chi, các loại xe của lực lượng thọc sâu của Quân đoàn 2 tràn lên, chia làm hai mũi lao thẳng về hướng dinh Độc Lập. Xe chúng tôi đi đến đâu, người đàn ông lại giới thiệu tên đường phố và những tòa nhà cao hai bên đường, như bên phải là tòa đại sứ Mỹ, bên trái là nhà thờ Đức Bà... Đến cách ngã ba khoảng 100 mét, chúng tôi thấy một tòa nhà trước mặt rất to, ông ta chỉ tay và nói to: Đó, dinh Độc Lập đó! Chiếc xe Jeép của tôi nhanh chóng lách vượt qua những xe tăng và xe chở bộ binh lao lên, cách hàng rào khoảng 50 mét, tôi thấy chiếc xe tăng thứ nhất